

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Mai**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG – 2012**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH TM CHI LẮNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Mai**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Mai

Mã SV: 1013401117

Lớp : QTL402K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chi Lãng

---

---

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp  
( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....  
.....  
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

**Cán bộ hướng dẫn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## LỜI NÓI ĐẦU

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, bất kỳ một doanh nghiệp nào dù sản xuất kinh doanh hay thương mại thì đều phải thông qua khâu tiêu thụ và lấy hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu. Muốn làm được điều đó thì các nhà quản lý phải nhận thức được vai trò của công tác kế toán. Kế toán là nguồn cung cấp thông tin cần thiết để quản lý hiệu quả hoạt động kinh tế của công ty.

Một doanh nghiệp muốn hoạt động kinh doanh có hiệu quả phải nắm bắt được các thông tin về “chi phí đầu vào” và “kết quả đầu ra” một cách kịp thời và chính xác để có thể đưa ra quyết định đúng đắn cho hoạt động của doanh nghiệp mình. Các doanh nghiệp mong muốn tối ưu hoá hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm giảm thiểu chi phí và hướng tới mục đích “kết quả đầu ra” càng cao càng tốt, hay là tối đa hoá lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các khoản chi phí, doanh thu và tính toán kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Vì thế để tiến hành hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm tới các yếu tố chi phí, doanh thu, kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của mình.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chi Lăng**” làm khóa luận.

Ngoài lời mở đầu và kết luận bài viết của em gồm 3 chương:

**CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**CHƯƠNG 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.**

**CHƯƠNG 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.**

Vì thời gian, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô sẽ chỉ bảo, tạo điều kiện để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

**CHƯƠNG 1**

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ  
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

**1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh  
doanh trong doanh nghiệp.**

**1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác  
định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo qui định, là nguồn có thể tham gia vốn góp cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu dẫn đến phá sản.

Thông qua tiêu thụ giá trị hàng hoá được thực hiện, các vấn đề liên quan đến hàng hoá được xác định như: số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Tiêu thụ xét trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân là điều kiện cần thiết để tái sản xuất xã hội. Đảm bảo tiêu thụ là đảm bảo duy trì sự liên tục của hoạt động kinh tế, đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa các khâu trong quá trình tái sản xuất.

Như vậy, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hoá cũng như hoàn thiện hạch toán tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá là điều cần thiết.



**1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị....

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp. Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi chi tiết cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

### **1.1.3. Các khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### **1.1.3.1. Doanh thu:**

\* **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không được coi là doanh thu

#### **\* Các loại doanh thu:**

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được từ các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu thêm ngoài giá bán.

#### **\* Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Theo chuẩn mực 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận theo điều kiện sau

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn tức là đã xác định được tương đối chắc chắn về thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

#### **\* Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

**\* Các khoản giảm trừ doanh thu:**

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ do doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại, ...

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá ...

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế đánh vào tất cả hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Doanh thu thuần} & & \text{Doanh thu bán} \\
 \text{về bán hàng và} & = & \text{hàng và cung cấp} \\
 \text{cung cấp dịch vụ} & & \text{dịch vụ}
 \end{array}
 - \text{Các khoản giảm} \\
 \text{trừ doanh thu}$$

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu.

### 1.1.3.2. Chi phí:

**Chi phí** : biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động và vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định, gồm có:

**Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ , dịch vụ hoàn thành được (xác định là tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

**Chi phí bán hàng:** là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm các chi phí như chi phí chào hàng, đóng gói sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm ...

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp (lương, phụ cấp, trợ cấp, ... ), BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ, dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác, ...

**Chi phí hoạt động tài chính:** phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lãi liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, ...

**Chi phí khác:** là khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp thường bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ, giá trị còn lại của thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, ...

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

### 1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh

\* **Kết quả kinh doanh:** là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{từ bán hàng và} \\ \text{cung cấp DV} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = \text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Thuế thu nhập DN}$$

**1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.**

*1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, giấy báo nợ, ...
- Các chứng từ liên quan khác.

*1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng.*

**\* Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.**

Kết cấu của tài khoản 511:

**Bên nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu .

**Bên có:**

- Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2.*

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hoá: được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hoá, vật tư.

- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: công nghiệp, xây lắp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

- TK 5118 – Doanh thu khác.

**\* Tài khoản 512: “Doanh thu nội bộ”.**

TK này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng cộng tính theo giá bán nội bộ.

Kết cấu của tài khoản 512

**Bên nợ:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp.

- Trị giá hàng bán bị trả lại, các khoản giảm giá hàng bán nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Bên có:**

- Tổng doanh thu nội bộ trong kỳ

*Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:*

- TK 5121- Doanh thu bán hàng hoá.

- TK 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm.

- TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Ngoài ra để phản ánh doanh thu bán hàng kế toán còn sử dụng các tài khoản khác như: 111, 112, 131, 333, ...

**\* Tài khoản 521: “Chiết khấu thương mại”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc cam kết mua, bán hàng

Kết cấu của tài khoản 521:

**Bên nợ:** Các khoản chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ.

**Bên có:** Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

*Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:*

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá.

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm.

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ.

**\* Tài khoản 531: “Hàng bán bị trả lại”.**

Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém chất lượng.

Kết cấu của tài khoản 531:

**Bên nợ:** Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

**Bên có:** Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “Doanh thu tiêu thụ nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

*Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.*

**\* Tài khoản 532: “Giảm giá hàng bán”.**



- Giảm giá hàng bán là các khoản giảm trừ doanh nghiệp chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn vì lý do hàng bán bị trả lại kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng.

- Tài khoản này dùng để phản ánh giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

- Chỉ phản ánh vào TK này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi bán hàng và phát sinh hóa đơn do hàng kém phẩm chất.

Kết cấu của tài khoản 532:

**Bên nợ:** Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán bị kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

**Bên có:** Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

*Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.*

*Ngoài ra còn có các tài khoản làm giảm trừ doanh thu như:*

Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp”

Để hạch toán các khoản giảm trừ sử dụng tài khoản 333.

Kết cấu của tài khoản 333:

**Bên nợ:**

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.

- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.

- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

**Bên có:**

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.

- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

*Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2 nhưng sử dụng 3 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 3331: “ Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp”.

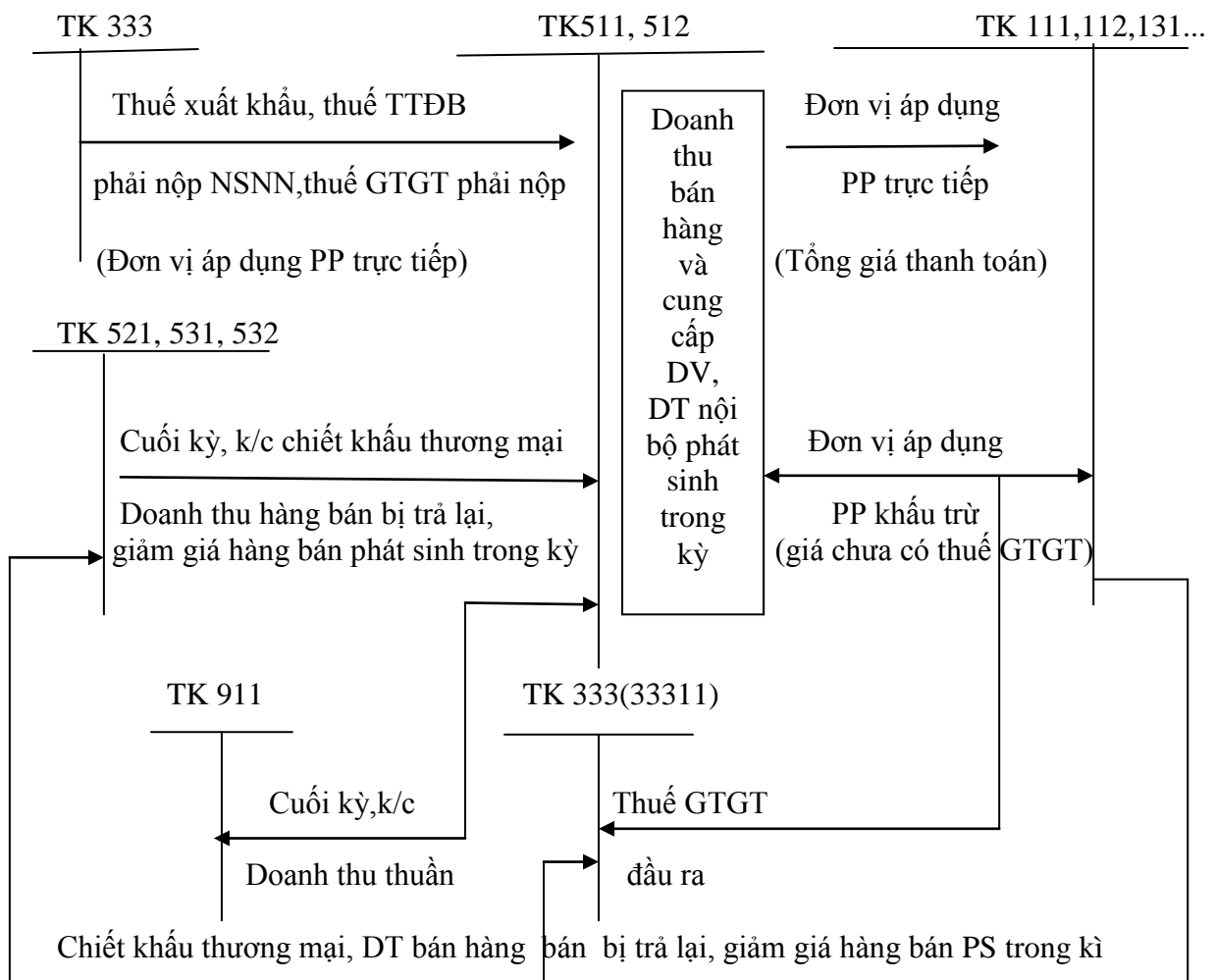
- Tài khoản 3332: “Thuế tiêu thụ đặc biệt”

- Tài khoản 3333: “ Thuế xuất khẩu”.

*1.2.1.3 Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

**Sơ đồ 1.1:Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.**



### **1.2.2 - Kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm trị giá thực tế xuất kho của hàng hoá đem bán cộng cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra.

#### **1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho.**

Doanh nghiệp phải xác định được giá vốn của hàng xuất bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong thực tế do giá cả của hàng hoá mua vào luôn biến động do đó mỗi lần nhập là một đơn giá khác nhau. Vì vậy, đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp nhất định để xác định trị giá hàng hoá xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Có nhiều cách tính trị giá hàng xuất kho khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp cho phù hợp:

*\* Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này lô hàng nhập trước sẽ được xuất trước, hàng tồn kho đầu kỳ giá định là xuất kho trước tiên, số hàng hoá sau đó được xuất kho theo đúng tự như chúng được mua vào nhập kho.

Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp này có ưu điểm là giá vốn hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo. Tuy nhiên, nhược điểm của phương pháp này là đòi hỏi kho bảo quản phải thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập xuất theo từng lần. Trị giá hàng xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

*\* Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này những hàng hoá mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, giá hàng hoá xuất kho sẽ tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng. Phương pháp này có ưu điểm là trị giá hàng xuất kho được xác định tương đối sát với giá thị trường tại thời điểm xuất kho hàng hoá. Nhưng trị giá hàng hoá tồn kho bị xác định kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động về giảm giá.

*\* Phương pháp bình quân gia quyền:*

Phương pháp này, giá trị của từng loại hàng hoá tồn kho được tính theo trị giá trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho tương tự được mua trong kỳ.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hoá xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng hoá xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân gia quyền}}$$

*Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.*

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá của hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hoá nhập kho trong kỳ}}$$

*Phương pháp bình quân liên hoàn.*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hoá thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

*\* Phương pháp thực tế đích danh:*

Phương pháp này, hàng hoá thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó để tính giá vốn cho hàng xuất kho.

Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán phải kiểm soát được từng lô hàng, từng loại hàng hoá tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo hoá đơn của chúng.

Phương pháp này áp dụng trong những doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập ít.

*1.2.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng.*

- Phiếu xuất kho.
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, Hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan.

*1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.*

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, ...

*Kết cấu của tài khoản 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

**Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

*Kết cấu của tài khoản 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn hàng hoá đã xuất bán trong kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

**Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

\* Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ sử dụng thêm:

**TK 631 – “Giá thành sản xuất”.**

Kết cấu của tài khoản 631 – Giá thành sản xuất.

Tài khoản 631 không có số dư.

**Bên nợ:**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ phát sinh trong kỳ.

**Bên có:**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

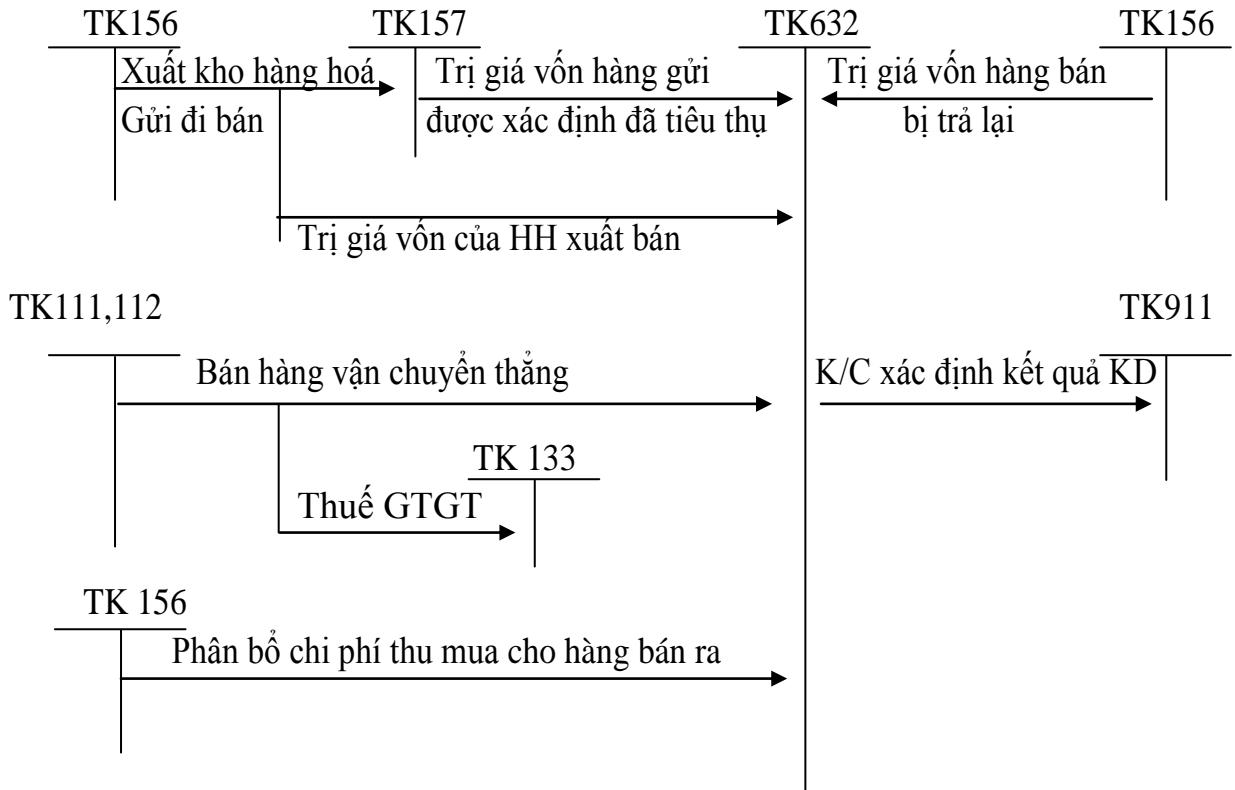
- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm giá trị thực tế xuất kho của hàng hoá đem bán cộng cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra.

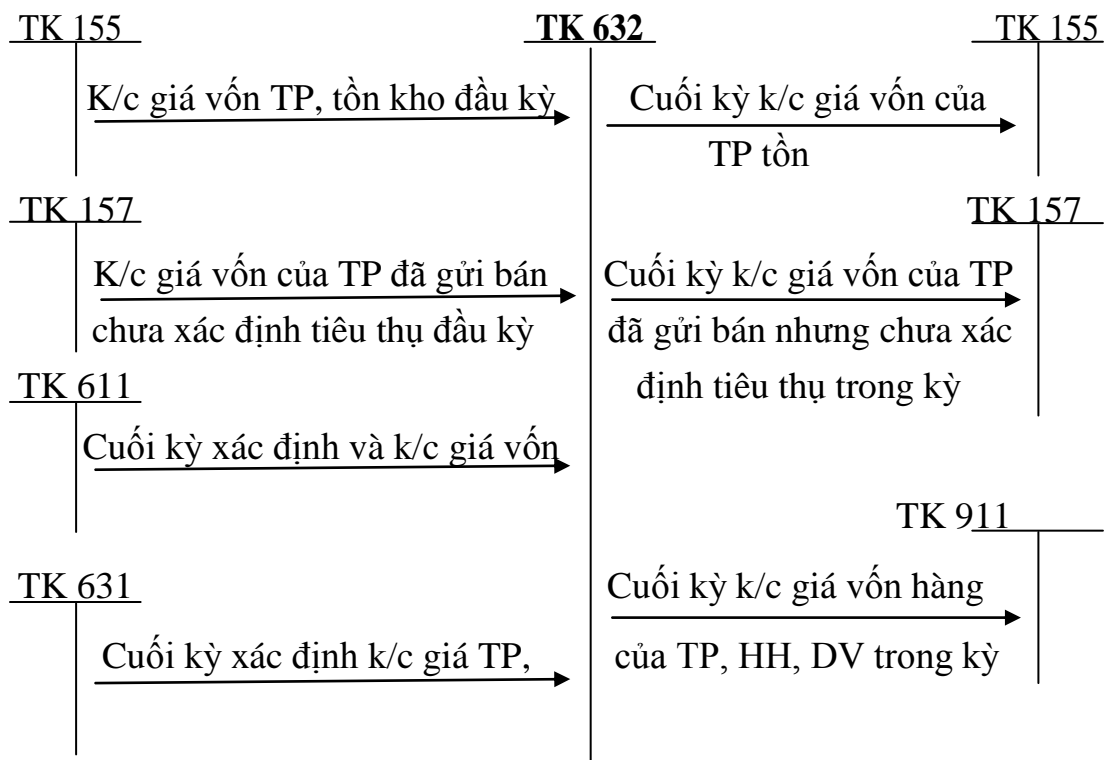
**1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát theo sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3:

**Sơ đồ 1.2: Hạch toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp KKTX)**



**Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK:**



### **1.2.3 - Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### *1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ, dụng cụ.
- Hoá đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu chi.
- Chứng từ khác có liên quan.

#### *1.2.3.2 Tài khoản sử dụng:*

##### **\* Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.**

Tài khoản 641 không có số dư và được chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

*Kết cấu của tài khoản 641:*

##### **Bên nợ:**

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

##### **Bên có:**

- Các khoản giảm chi phí bán hàng trong kỳ (nếu có).
- Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

##### **\* Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Tài khoản 642 không có số dư và được chi tiết thành 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

*Kết cấu của tài khoản 642:*

**Bên nợ:**

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chi phí quản lý trong kỳ.

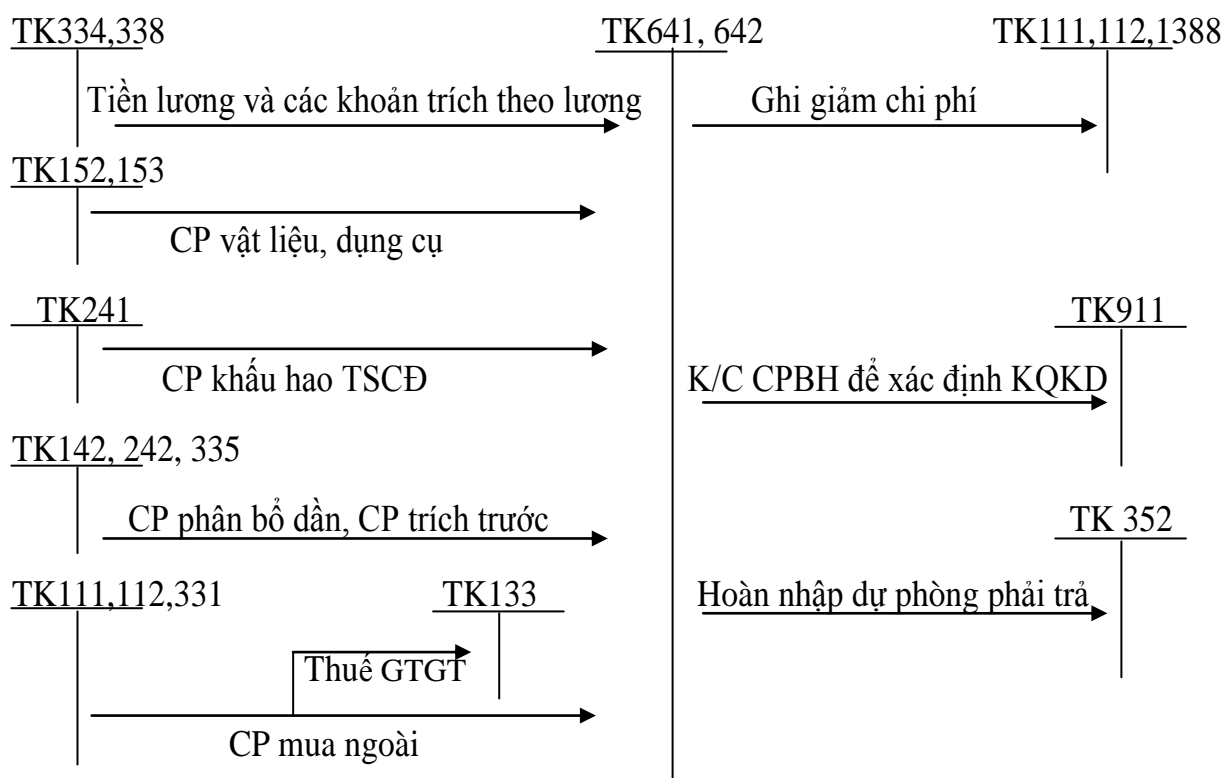
**Bên có:**

- Các khoản giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ (nếu có).  
 - Kết chuyển chi phí quản lý trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

*1.2.3.3: Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp được khái quát theo sơ đồ 1.4:

**Sơ đồ 1.4:** Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



**1.2.4 - Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính..**

*1.2.4.1: Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các khế ước cho vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các khế ước đi vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các giấy tờ khác liên quan.



*1.2.4.2: Tài khoản sử dụng:*

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

\* *Kết cấu của tài khoản 515: Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.*

**Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên có:**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

\* *Kết cấu của tài khoản 635: tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.*

**Bên nợ:**

- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí chuyển nhượng đất, ... được xác định là tiêu thụ.

**Bên có:**

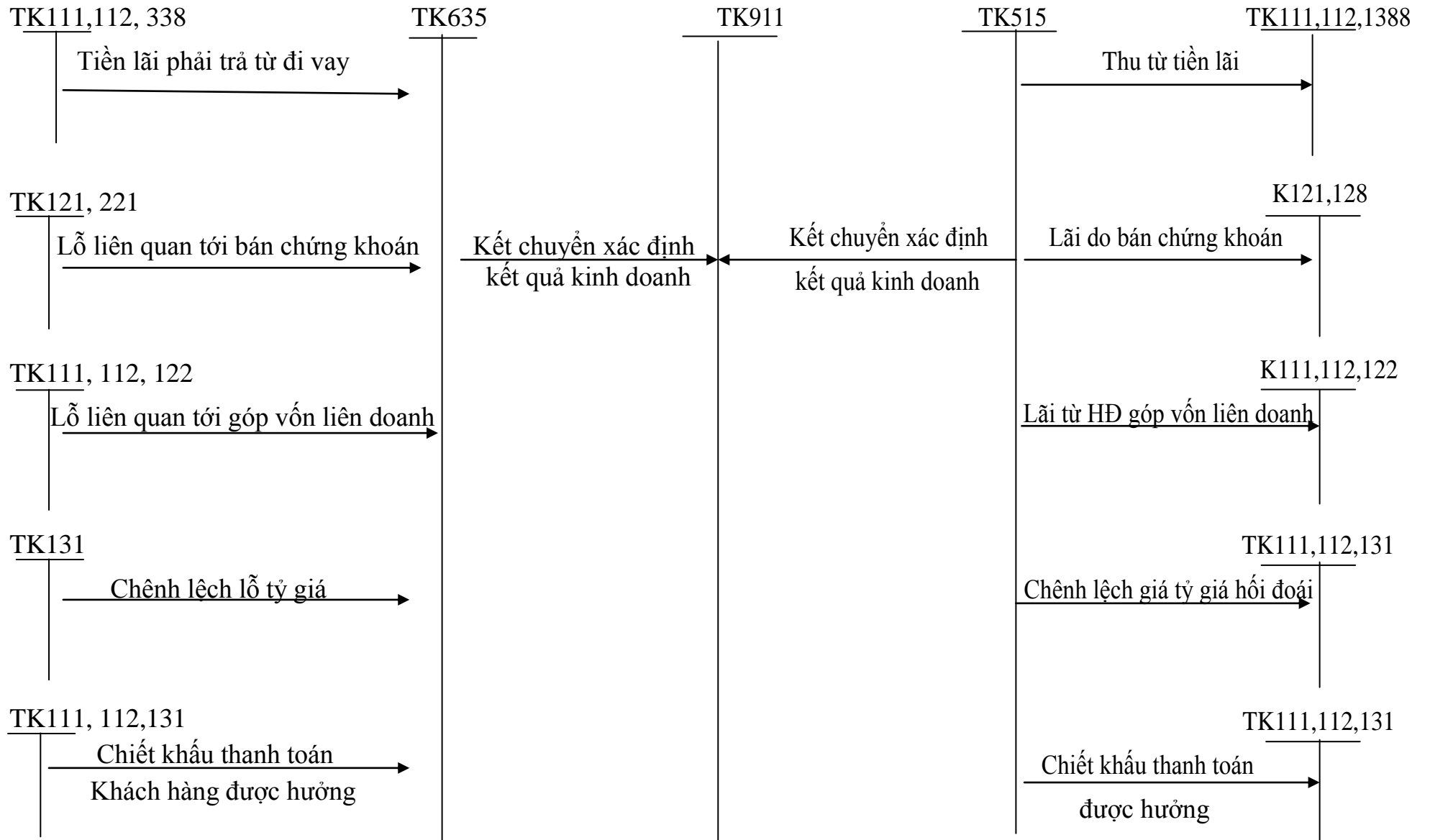
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

*1.2.4.3: Phương pháp hạch toán:*

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát theo sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5: Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

**Sơ đồ 1.5:**



### **1.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác**

#### **1.2.5.1: Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có của ngân hàng, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Biên bản thanh lý tài sản cố định.
- Các chứng từ có liên quan

#### **1.2.5.2: Tài khoản kế toán sử dụng:**

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính kế toán sử dụng:

- TK711 – Thu nhập hoạt động khác.
- TK 811 – Chi phí hoạt động khác.

*\* Kết cấu của tài khoản 711: Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ*

#### **Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 - xác định kết quả kinh doanh.

#### **Bên có:**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

*\* Kết cấu của tài khoản 811: Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ*

#### **Bên nợ:**

- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

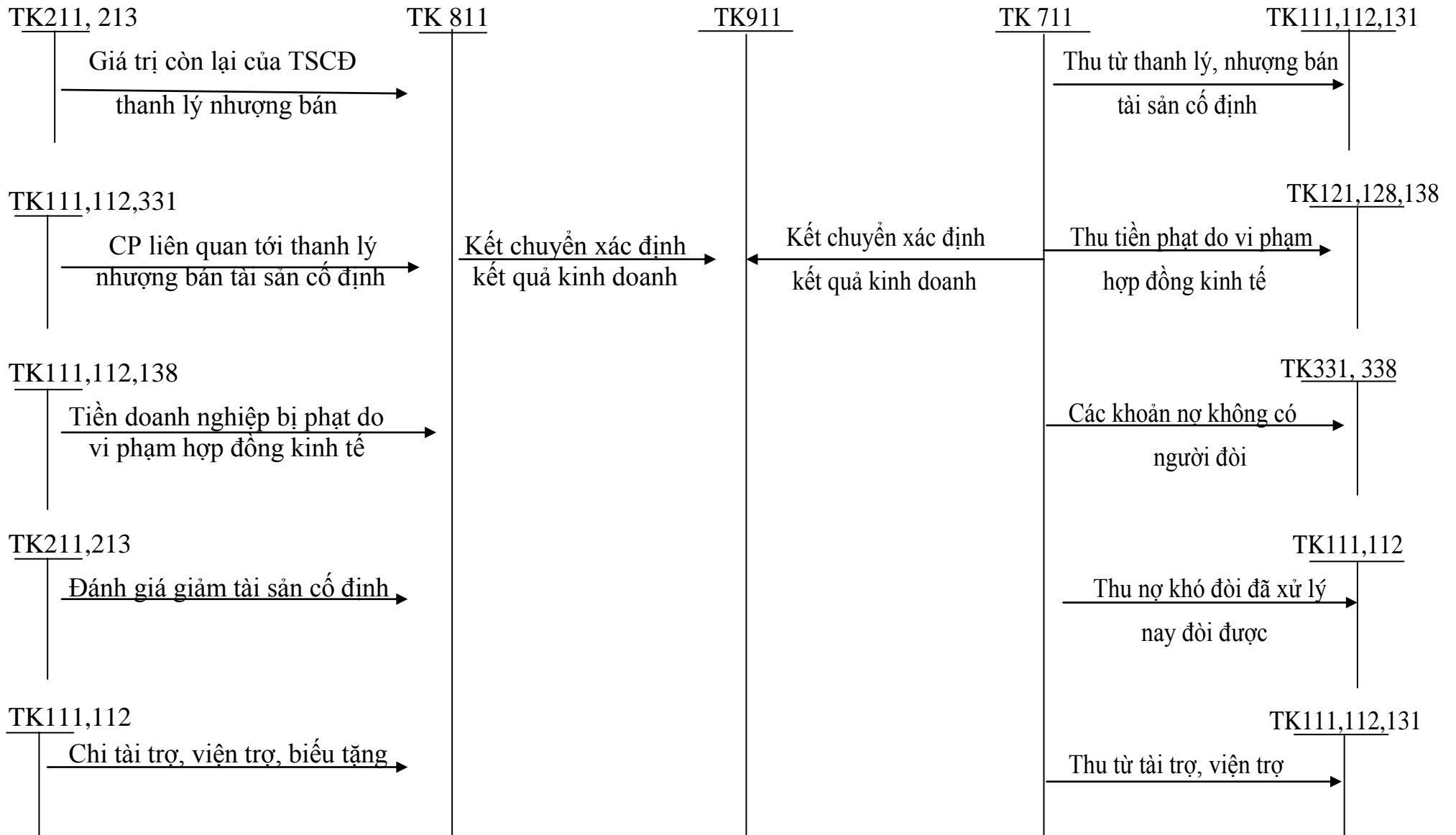
#### **Bên có:**

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh.

#### **1.2.5.3: Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động khác, chi phí hoạt động khác được khái quát theo sơ đồ 1.6.

**Sơ đồ 1.6:** Hạch toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác:



### **1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.2.6.1 Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán.

#### **1.2.6.2 Tài khoản kế toán sử dụng**

##### **\* TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.**

Dùng để xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

*Kết cấu của tài khoản:* Tài khoản 911 không có số dư.

##### **Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ.
- Chi phí bán hàng, chi phí QLDN.
- Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và các chi phí khác.
- Kết chuyển lãi sau thuế.

##### **Bên có:**

- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Thu nhập khác, ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

##### **\* Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Tài khoản dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm.

TK 821 có 2 tài khoản cấp 2:

TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

*Kết cấu của tài khoản 821: Tài khoản 821 không có số dư:*

**Bên nợ:**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN hiện hành của các năm khác phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong các năm từ việc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK 8212 lớn hơn phát sinh bên nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên có TK 911

**Bên có:**

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm vào TK 911.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên nợ TK 911

**\* Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lỗ, lãi) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

*Kết cấu của tài khoản:*

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

Số dư Nợ: số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư Có: số lợi nhuận chưa phân phối.

**Bên nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, cho các bên tham gia liên doanh.
- Nộp lợi nhuận cho cấp trên.

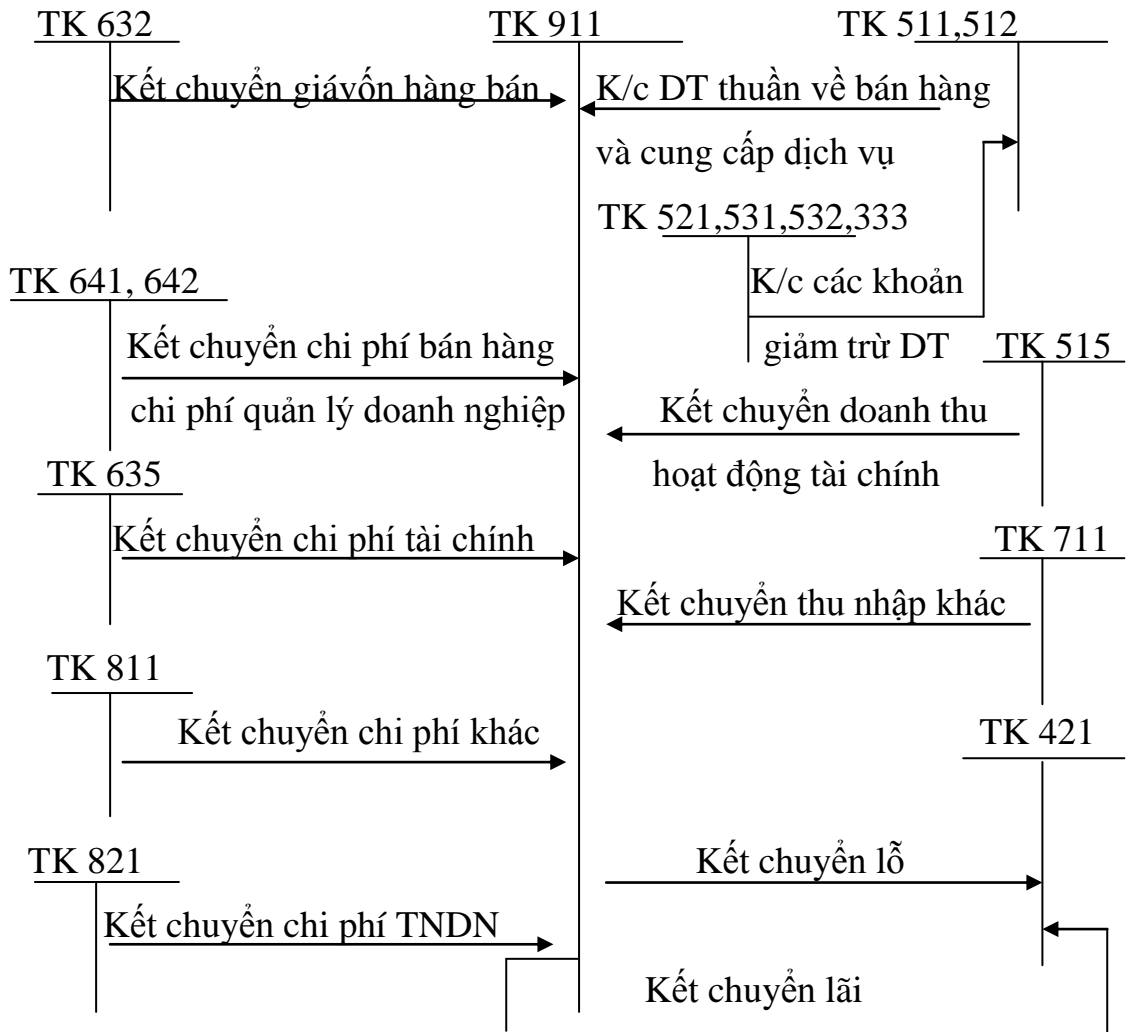
**Bên có:**

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

*1.2.6.3: Phương pháp hạch toán.*

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát theo sơ đồ 1.7

**Sơ đồ 1.7: Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh**





**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG  
MẠI CHI LĂNG**

**2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.**

***2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty trách nhiệm hữu hạn  
thương mại Chi Lăng.***

Hoạt động kinh doanh Gas độc lập mới chỉ hình thành từ năm 1999 cùng với sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của đất nước. Trước đó, tức là giai đoạn năm 1998 trở về trước, các công ty xăng dầu trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đều kinh doanh Gas thông qua các xí nghiệp trực thuộc.

Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của hoạt động kinh doanh Gas độc lập, tháng 5 năm 2005, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chi Lăng đã được thành lập. Công ty được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0202002635 của Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được những kết quả nhất định, góp một phần nhỏ vào sự phát triển chung của thành phố.

Tên giao dịch: Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Tên viết tắt : CHILANG Co.,ltd

Mã số thuế: 0200625351

Số điện thoại: 0313.538.359

Địa chỉ: 381 Đường 5 cũ - An Trì - Hùng Vương - Hồng Bàng - HP

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là công ty TNHH hai thành viên, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh lần thứ ba vào ngày 08 tháng 03 năm 2008, tạo điều kiện cho công ty hoạt động kinh doanh hợp pháp, chấp hành đúng theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

- Ngành kinh doanh gas có thị trường tiềm năng lớn, nhu cầu tiêu thụ của người dân ngày một tăng cao. Do đó công ty gas đã có một mạng lưới phân phối rộng khắp.

- Với cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, công ty TNHH thương mại Chi Lăng trong những năm qua đã trở thành một doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực cung cấp gas.

- Bên cạnh đó, với nhà lãnh đạo giỏi, đội ngũ kế toán dày dặn kinh nghiệm, công nhân kỹ thuật lành nghề đã giúp công ty không ngừng phát triển và khẳng định mình là một doanh nghiệp cung cấp gas lớn mạnh đáp ứng kịp thời nguồn cung cấp LPG cho thị trường. Công ty đã phát triển mô hình bán hàng trực tiếp đến các đại lý thông qua các hệ thống giao hàng trực tiếp của công ty.

- Trong thời kỳ hội nhập và mở cửa, cạnh tranh ngày càng lớn công ty phải có biện pháp giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Khó khăn nhất của công ty trong giai đoạn hiện nay là giá cả nguồn hàng ngày một tăng cao, đối thủ cạnh tranh ngày một nhiều. Do vậy, công ty thường xuyên tăng cường marketing và có biện pháp sản xuất tốt để khẳng định công ty luôn là một bạn hàng đáng tin cậy.

### ***2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng***

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng kinh doanh chủ yếu hai mặt hàng là : **khí hoá lỏng LPG và VM Gas.**

Ngoài mặt hàng chính là gas, công ty được tự kinh doanh và khai thác mặt hàng bếp gas và phụ kiện gas như (van, điều áp, dây kẹp...) trên nguyên tắc kinh doanh có hiệu quả. Căn cứ vào nhu cầu thị trường tại Hải Phòng công ty tiến

hành nhập và mua bếp gas và phụ kiện cần thiết phục vụ gas dân dụng và gas công nghiệp của các nhà cung cấp và tiến hành bán hàng cho các đại lý, khách hàng có nhu cầu. Công ty được tự quyết định giá bán bếp và phụ kiện trên nguyên tắc đảm bảo vốn kinh doanh và có lãi.

Qua hơn 7 năm phát triển và trưởng thành, Công ty TNHH thương mại Chi Lăng đã và đang khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thử thách để có thể tạo cho mình một chỗ đứng trên thị trường, góp phần tích cực vào công cuộc CNH- HĐH đất nước. Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là doanh nghiệp hoạt động theo luật của nhà nước, thực hiện theo các quy định của pháp luật, điều lệ chức của nhà nước.

Hoạt động kinh doanh gas là hoạt động chủ yếu của Công ty, là nhà phân phối chính của công ty TNHH MTV KD khí hóa lỏng Nam Định. Công ty cung cấp ra thị trường các thiết bị và phụ kiện được sử dụng với LPG như bình gas, van bình, bồn chứa gas. Doanh thu và lợi nhuận hàng năm không những đảm thu nhập ổn định cho công nhân viên, mà còn đầu tư vào trang thiết bị và mua sắm TSCĐ mới.

Công ty khẳng định phương châm hành động đúng đắn để công ty tồn tại và phát triển là giữ uy tín bằng chất lượng hàng hóa và giá cả hợp lý. Vì vậy trong những năm qua công ty đã cố gắng thực hiện tốt phương châm này.

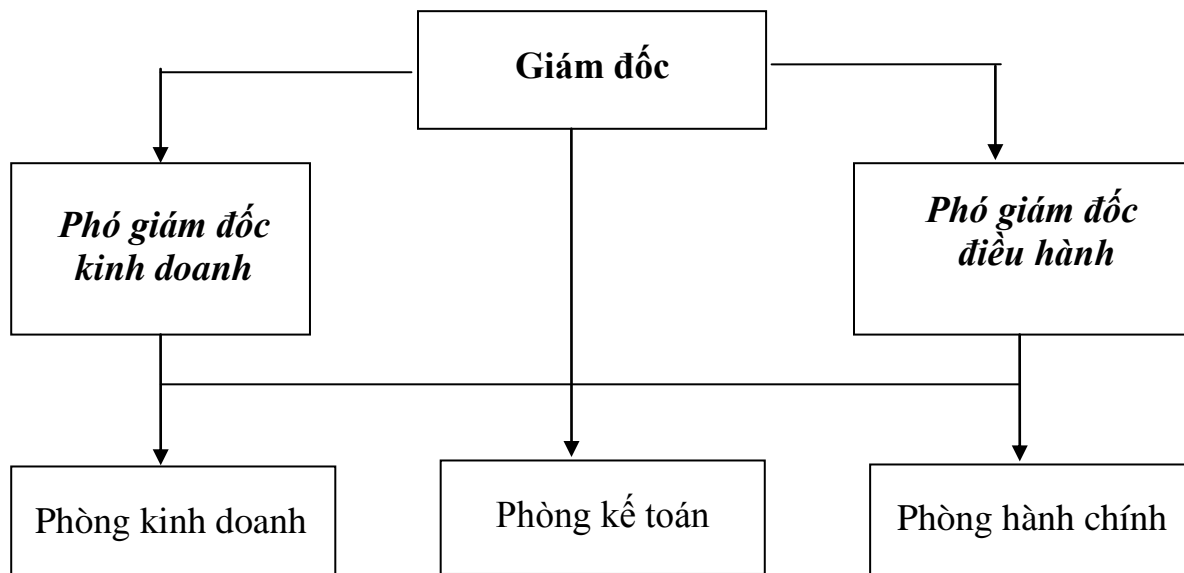
### ***2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý***

Bất kỳ công ty nào cũng có bộ máy quản lý dù là đơn giản nhất. Bộ máy quản lý công ty giúp cho từ thủ trưởng đến nhân viên làm việc có quy tắc, tạo phong cách làm việc có trình tự tổ chức nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, nghĩa là các phòng ban có liên hệ chặt chẽ với nhau và cùng chịu sự quản lý của ban giám đốc bao gồm Giám đốc và 2 phó giám đốc. Cơ cấu tổ chức tương đối gọn nhẹ và hợp lý.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng được khái quát qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng**



- **Giám đốc** : Là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi hoạt động giao dịch, chịu trách nhiệm chung về các mặt hoạt động của toàn Công ty. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước như nộp thuế, trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

- **Phó giám đốc** : Công ty có hai phó giám đốc : Phó giám đốc kinh doanh và Phó giám đốc điều hành.

+ **Phó giám đốc kinh doanh**: Có trách nhiệm quản lý chung phòng kinh doanh, thay mặt Giám đốc thực hiện các hợp đồng, tham mưu cho Giám đốc các chiến lược bán hàng nhằm thu được kết quả cao nhất. Đồng thời Phó giám đốc kinh doanh cũng phải thường xuyên báo cáo cho Giám đốc tình hình kinh doanh của Công ty để Giám đốc kịp thời đưa ra những biện pháp giải quyết nếu gặp phải khó khăn.

+ **Phó giám đốc điều hành** : Là người giúp việc cho Giám đốc trong việc quản lý chung các phòng ban của Công ty.

- **Phòng kế toán** : Thực hiện nhiệm vụ hạch toán, tham mưu, giúp việc cho Giám đốc để thực hiện nghiêm túc các quy định kế toán – tài chính hiện

hành, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch về vốn và tạo vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng kế hoạch đề ra.

- **Phòng kinh doanh** : Có trách nhiệm tư vấn cho khách hàng về chất lượng, giá cả của từng loại Gas, lập chương trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh tế.

- **Phòng hành chính** : Tham mưu cho Giám đốc về công tác quy hoạch cán bộ, chính sách liên quan đến người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Qua thực tế nhận thấy, mặc dù cơ cấu bộ máy quản lý tương đối đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả làm việc khá cao, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

#### **2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng**

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng.

- Chế độ kế toán: Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

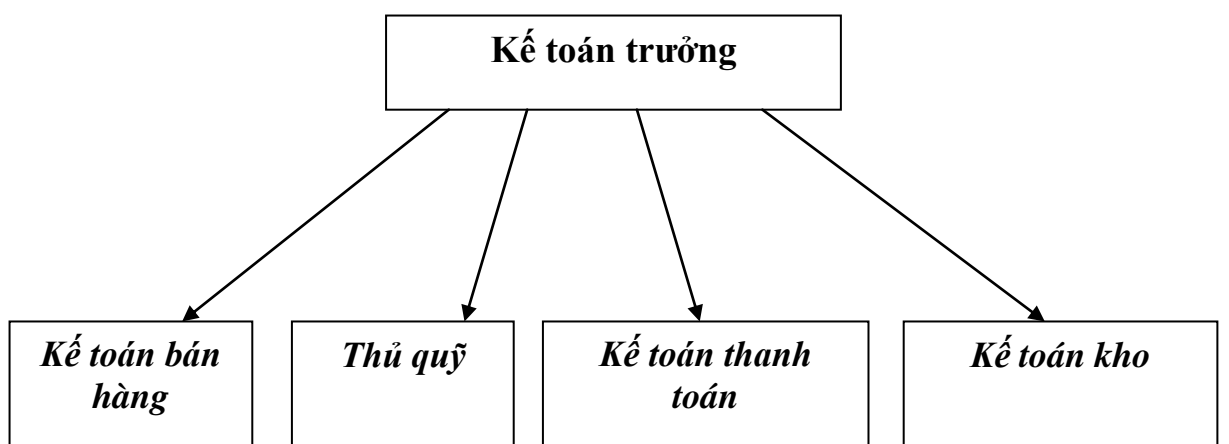
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Kỳ lập báo cáo: năm

##### **2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty**

Cũng giống như tổ chức bộ máy quản lý, cơ cấu kế toán của Công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ. Bộ máy kế toán gồm 5 người, mỗi người có một chức năng, nhiệm vụ khác nhau được tổ chức theo sơ đồ sau :

**Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng**



- **Kế toán trưởng** : Là người điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình Giám đốc, đồng thời phải duyệt quyết toán quý, năm theo đúng chế độ; tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý quá trình sản xuất. Kế toán trưởng đồng thời phụ trách kế toán tiêu thụ và tính toán kết quả kinh doanh.

- **Thủ quỹ** : Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt, quản lý quỹ của Công ty.

- **Kế toán kho** : Phản ánh đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình biến động về giá cả hàng hoá, tính toán chính xác giá của từng loại mặt hàng nhập, xuất, tồn kho, đảm bảo cung cấp kịp thời thông tin cho yêu cầu quản lý hàng hoá của Công ty.

- **Kế toán thanh toán** : Là người chịu trách nhiệm trong việc theo dõi các khoản nợ của Công ty cũng như các khoản nợ của khách hàng với Công ty. Theo dõi chi tiết từng khoản nợ với từng khách hàng và nhà cung cấp.

- **Kế toán bán hàng** : Thực hiện nhiệm vụ liên lạc với khách hàng nhằm tìm kiếm đơn đặt hàng và phụ trách bán hàng tại gian trưng bày.

#### **2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.**

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **2.1.4.3 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán.**

Công tác kế toán tại Công ty TNHH TM Chi Lăng được thực hiện phần lớn trên máy vi tính nhưng không áp dụng phần mềm kế toán mà chỉ thao tác trên Word và Excel.

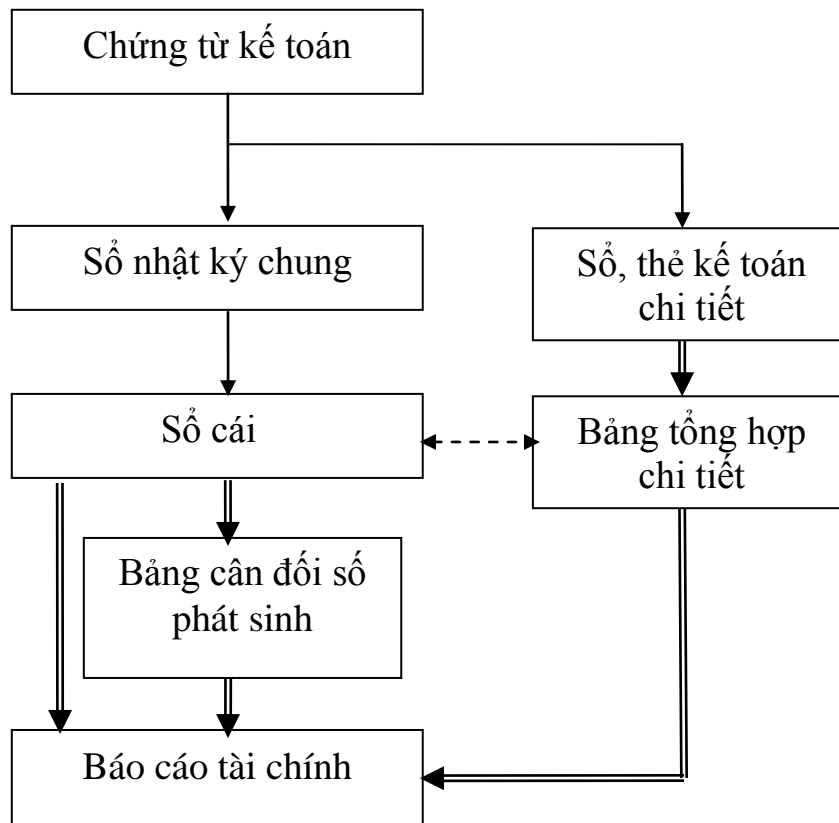
Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “**Nhật ký chung**”. Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản

kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ,thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo Cáo Tài Chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật kí chung của Công ty được khái quát theo sơ đồ sau:

### TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Quan hệ đối chiếu ↔
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒

1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký

chung để ghi vào sổ cái các tài khoản phù hợp. Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung trong kỳ.

#### **2.1.4.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.**

Công ty đang áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 48/2006/ QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán do Bộ Tài Chính ban hành, kỳ lập báo cáo là năm. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: bảng cân đối số phát sinh, báo cáo thuế, ...

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH TM Chi Lăng.**

#### **2.1.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng tại Công ty.**

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng chuyên cung cấp các loại hàng hoá khí hoá lỏng. Vì vậy doanh thu chính của công ty là do bán khí hoá lỏng.

Các loại hàng hoá chính của Công ty là:

- Khí hoá lỏng LPG L12.
- Khí hoá lỏng LPG L45.



- Khí hoá lỏng LPG L11.
- VM gas L12.
- VM gas L45.
- Bình Mex 12kg.
- Bình Mex 13 kg.
- Và các loại bếp gas và phụ kiện kèm theo.

*2.2.1.2 Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT (mẫu GTKT-3LL). Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu.

Liên 2: Giao cho khách hàng.

Liên 3: Dùng cho kế toán thanh toán.

Trên hoá đơn ghi đầy đủ mã số thuế, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng, thanh toán ngay hay công nợ, hình thức thanh toán và đầy đủ chữ ký.

Khi khách hàng mua hàng của Công ty thì nhân viên bán hàng sẽ viết hoá đơn GTGT cho người mua. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần. Liên 1 màu tím để lưu, liên 2 màu đỏ giao cho khách hàng, liên 3 màu xanh giao cho kế toán để hạch toán.

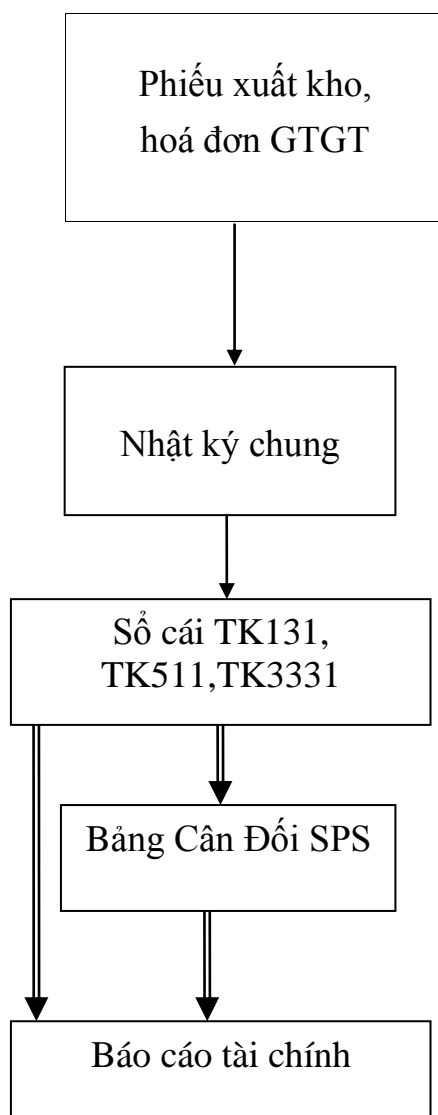
- Hợp đồng mua hàng.
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, ...
- Các chứng từ khác có liên quan.

*2.2.1.3 Tài khoản sử dụng:*

- TK 511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.
- TK 111 - Tiền mặt.
- TK 112 - Tiền gửi ngân hàng.
- TK 131 - Phải thu khách hàng, ...

*2.2.1.4 Quy trình hạch toán*

**Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kì  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu hoặc kiểm tra  $\langle \text{---} \rangle$

Trước tiên, căn cứ vào biên bản kí kết hợp đồng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hoá, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hoá cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hoá có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Từ đó kế toán tiêu thụ sẽ lập hoá đơn GTGT về bán hàng hoá.

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 511, 111, 131, ... Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh vào các sổ chi tiết 131.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

**\* Ví dụ 1:**

Ngày 6/12/2011 Công ty TNHH thương mại Chi Lăng bán 360 Kg KHL LPG- L12 cho công ty TNHH Kim Khí Tuấn Minh, đơn giá 27.121đ/kg, VAT 10%. Công ty TNHH Kim Khí Tuấn Minh chưa thanh toán.

Kế toán tiến hành ghi hóa đơn giá trị gia tăng 0001108 (Biểu 2.1) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng. Căn cứ vào hóa đơn này kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131	:	10.739.916 đ
Có TK 511:		9.763.560 đ
Có TK 3331:		976.356đ

Đồng thời phản ánh giá vốn hàng xuất bán:

Nợ TK 632 :	7.938.000 đ
Có TK 156:	7.938.000 đ

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3), từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ Cái TK 511 (biểu số 2.4).

**\* Ví dụ 2:**

Ngày 10/12/2011 Công ty TNHH thương mại Chi Lăng bán 456 Kg KHL LPG- L12 cho công ty CP Hoàng Phát, đơn giá 27.121đ/kg, VAT 10%. Công ty CP Hoàng Phát chưa thanh toán.

Kế toán tiến hành ghi hóa đơn giá trị gia tăng 0001115 (Biểu 2.2) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng. Căn cứ vào hóa đơn này kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131	:	13.603.894 đ
Có TK 511:		12.367.176 đ
Có TK 3331:		1.236.718 đ

Đồng thời phản ánh giá vốn hàng xuất bán:

Nợ TK 632 :	10.054.800 đ
Có TK 156:	10.054.800 đ

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ Cái TK 511 (biểu 2.5).

**Biểu số 2.1:**

<b>HOÁ ĐƠN</b>	Mẫu số: 01GTKT2- 3LL
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	AA/11P
Liên 3: Nội bộ.	0001108

Ngày 6 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Địa chỉ: Đường 5 cũ - An Trì - Hùng Vương – Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.538.359..... MST: 0200625351.....

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty TNHH kim khí Tuấn Minh

Địa chỉ: Khu II - thị trấn An Dương - An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán:..... MST: 0200457435.

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khí hoá lỏng LPG L12	kg	360	27.121	9.763.560
Cộng tiền hàng					9.763.560
Thuế suất thuế GTGT 10%. Tiền thuế GTGT					976.356
Tổng cộng tiền thanh toán					10.739.916

Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn chín trăm mười sáu đồng./.

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.2:**

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT2- 3LL

AA/11P

Liên 3: Nội bộ.

0001115

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Địa chỉ: Đường 5 cũ - An Trì - Hùng Vương – Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.538.359..... MST: 0200625351.....

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Hoàng Phát

Địa chỉ: Nam Sơn - An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán:..... MST: 0200320523.

STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khí hoá lỏng LPG L12	kg	456	27.121	12.367.176
Cộng tiền hàng					12.367.176
Thuế suất thuế GTGT 10%. Tiền thuế GTGT					1.236.718
Tổng cộng tiền thanh toán					13.603.894

Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn tám trăm chín bốn đồng./.

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.3:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số S03a – DN

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

(QĐ 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
6/12	HĐ 1108	6/12	Doanh thu bán LPG L12 cho cty Tuấn Minh	131 511 3331	10.739.916	9.763.560 976.356
6/12	PX 1115	6/12	Xuất kho bán LPG L12 cho công ty Tuấn Minh	632 156	7.968.000	7.938.000
8/12	PT 1158	8/12	Doanh thu bán hàng	111 511 3331	32.781.034	29.800.940 2.980.094
9/12	PT 1159	9/12	Thu tiền khách hàng trả	111 131	25.700.000	25.700.000
10/12	PC 1157	10/12	Trả tiền công ty TNHH MTV Nam Định	131 112	16.939.318	16.939.318
10/12	HĐ 1115	10/12	Doanh thu bán LPG L12 cho cty CP Hoàng Phát	131 511 3331	13.603.894	12.367.176 1.236.718
10/12	PX 1160	10/12	Xuất kho khí hoá lỏng LPG L12 cho công ty CP Hoàng Phát	632 156	10.054.800	10.054.800
			.....			
			Cộng phát sinh		332.501.515.213	332.501.515.213

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.4:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Mẫu số S35 – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/8/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK: 511

Năm 2011

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Phát sinh trong Q4			
			.....			
28/11	BC26/No	28/11	Bán khí hoá lỏng LPG L45 cho cty Minh Tùng	112		16.103.700
30/11	PT 1116	30/11	Bán bếp DL Namilux 161 cho cửa hàng Tuấn Hùng	111		30.906.670
	.....		.....			
6/12	HĐ 1108	6/12	Bán LPG L12 cho công ty TNHH Tuấn Minh	131		9.763.560
10/12	H Đ 1115	10/12	Bán LPG L12 cho cty CP Hoàng Phát	131		12.367.176
			.....			
17/12	PT 1154	17/12	Anh Phạm Hải Hoàng mua bếp gas Paloma 25B	111		6.680.000
			.....			
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	3.431.664.712	
			Cộng số phát sinh Q4		3.431.664.712	3.431.664.712

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

### 2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán:

Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá thực tế hàng xuất kho trong kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn .

Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch đi.

Hàng hoá của Công ty được nhập từ nhiều nguồn khác nhau nhưng chủ yếu vẫn là của Công ty TNHH MTV KD KHL Nam Định, Công ty TNHH SX TMDV Kỹ nghệ gas & máy công nghiệp.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hoá xuất kho} = \text{Số lượng hàng hoá xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

*Phương pháp bình quân liên hoàn.*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hoá thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

### 2.2.2.2 Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 GTGT – 3LL)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Và các chứng từ khác có liên quan

### 2.2.2.3 Tài khoản sử dụng:

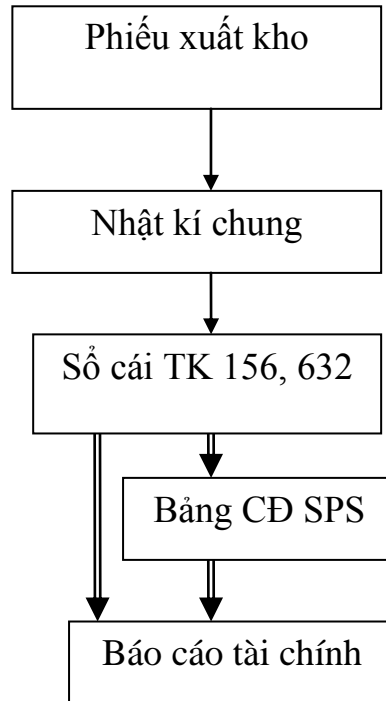
- TK 156: Hàng hoá.
- TK 632: Giá vốn hàng bán.



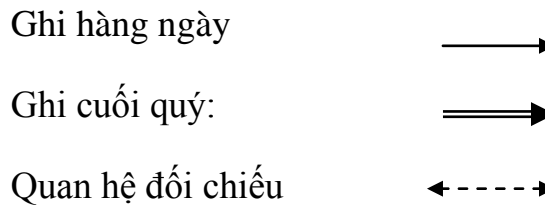
2.2.2.4 Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán được mô tả qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty.**



Ghi chú:



- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 156, 632, ... Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh vào các sổ chi tiết TK 511, 131.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ 3** (tiếp ví dụ 1): Ngày 6/12/2012 bán cho Công ty TNHH kim khí Tuấn Minh 360kg khí hoá lỏng LPG L12, đơn giá xuất kho là 22.050 đồng. Trị giá hàng xuất kho là 7.938.000 Công ty chưa thu được tiền.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 001108 (Biểu 2.1) ở ví dụ 1 phần doanh thu bán hàng phát sinh ngày 06/12/2011 và phiếu xuất kho số 1115 (Biểu 2.5) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 632: 7.938.000

Có TK 156: 7.938.000

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số: 2.7).

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số: 2.8), sổ cái TK 156.

+ Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

**Ví dụ 4** (tiếp ví dụ 2): Ngày 10/12/2012 bán cho Công ty CP Hoàng Phát 456kg khí hoá lỏng LPG L12, đơn giá xuất kho là 22.050 đồng. Trị giá hàng xuất kho là 10.054.800 Công ty chưa thu được tiền.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 001115 (Biểu 2.2) ở ví dụ 1 phần doanh thu bán hàng phát sinh ngày 10/12/2011 và phiếu xuất kho số 1160 (Biểu 2.6) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 632 : 10.054.800 đ

Có TK 156: 10.054.800 đ

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số: 2.7).

+ Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số: 2.8), sổ cái TK 156.

+ Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

**Biểu số 2.5:**

**CÔNG TY TNHH TM CHI LĂNG**

381 đường 5 cũ – HV – HB - HP

Mẫu số 01 – VT

Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ – BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 6/12/2011

Số: 1115

TK Nợ: 632

TK Có: 156

- Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH kim khí Tuấn Minh
- Diễn giải: xuất bán hàng hoá cho Công ty TNHH kim khí Tuấn Minh
- Xuất tại kho: hàng hoá

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo ctừ	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Khí hoá lỏng LPG L 12	kg	360	360	22.050	7.938.000
	<b>Cộng</b>		360	360	22.050	7.938.000

*Bằng chữ: B ảy triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn./.*

*Ngày ..... tháng ..... năm .....*

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--------------------------------	--------------------------

**Biểu số 2.6:**

**CÔNG TY TNHH TM CHI LĂNG**

Mẫu số 01 – VT

381 đường 5 cũ – HV – HB - HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ – BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 6/12/2011

Số: 1160

TK Nợ: 632

TK Có: 156

- Họ tên người mua hàng: Công ty CP Hoàng Phát
- Diễn giải: xuất bán hàng hoá cho công ty CP Hoàng Phát
- Xuất tại kho: hàng hoá

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo ctừ	Thực xuất		
A	B	C				
1	Khí hoá lỏng LPG L 12	kg	456	456	22.050	10.054.800
	Cộng		456	456		10.054.800

*Bằng chữ: Mười triệu năm mươi bốn nghìn tám trăm đồng./.*

*Ngày ..... tháng ..... năm .....*

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kê toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--------------------------------	--------------------------

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.7:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số S03a – DN

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

(QĐ 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
6/12	HĐ 1108	6/12	Doanh thu bán LPG L12 cho cty Tuấn Minh	131 511 3331	10.739.916	9.763.560 976.356
6/12	PX 1115	6/12	Xuất kho bán LPG L12 cho công ty Tuấn Minh	632 156	7.968.000	7.938.000
8/12	PT 1158	8/12	Doanh thu bán hàng	111 511 3331	32.781.034	29.800.940 2.980.094
9/12	PT 1159	9/12	Thu tiền khách hàng trả	111 131	25.700.000	25.700.000
10/12	PC 1157	10/12	Trả tiền công ty TNHH MTV Nam Định	131 112	16.939.318	16.939.318
10/12	HĐ 1115	10/12	Doanh thu bán LPG L12 cho cty CP Hoàng Phát	131 511 3331	13.603.894	12.367.176 1.236.718
10/12	PX 1160	10/12	Xuất kho khí hoá lỏng LPG L12 cho công ty CP Hoàng Phát	632 156	10.054.800	10.054.800
			.....			
			Cộng phát sinh		332.501.515.213	332.501.515.213

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 2.8:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Mẫu số S35 – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Năm 2011

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
28/11	BC26/No	28/11	Bán khí hoá lỏng LPG L45 cho cty Minh Tùng	156	9.069.885	
30/11	PT1009	30/11	Bán bếp DL Namilux 161 cho cửa hàng Tuấn Hùng	156	25.868.145	
	.....		.....			
4/12	PX1108	4/12	Bán LPG L45 cho công ty Bình Minh	156	15.831.072	
6/12	PX 1115	6/12	Bán LPG L12 cho công ty TNHH Tuấn Minh	156	7.938.000	
			.....			
10/12	PX 1160	10/12	Bán LPG L12 cho công ty CP Hoàng Phát	156	10.054.800	
17/12	PT 1154	17/12	Anh Phạm Hải Hoàng mua bếp gas Paloma 25B	156	3.180.000	
			.....			
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển giá vốn quý IV	911		2.634.407.433
			Cộng số phát sinh		2.634.407.433	2.634.407.433

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.**

#### **2.2.3.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.**

Chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động bán hàng, quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về tiền lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác, ...

#### **2.2.3.2: Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Bảng phân bổ khấu hao.
- Phiếu chi, hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### **2.2.3.3: Tài khoản sử dụng:**

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

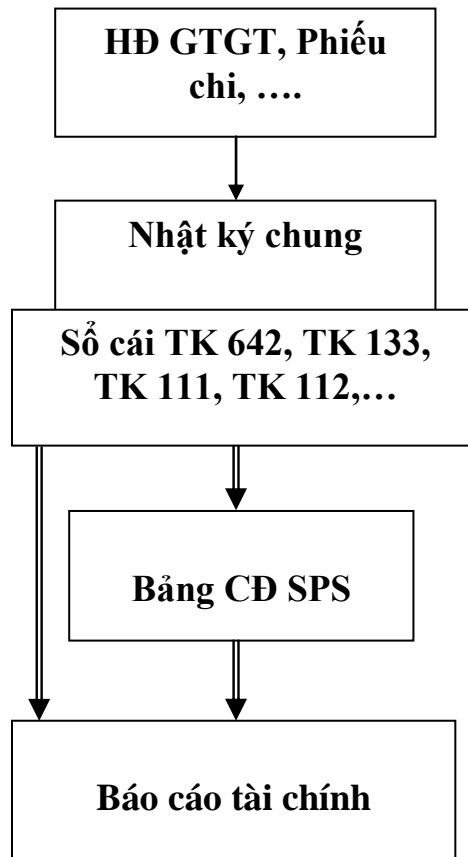
Tài khoản 642, tại công ty chi tiết thành:

- Tài khoản 6421: Giá vốn hàng bán.
- Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Và các tài khoản khác có liên quan: TK 111, TK 112, ...

#### **2.2.3.4 Quy trình hạch toán.**

Quy trình hạch toán được mô tả qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty:**



Ghi hằng ngày →

Ghi cuối tháng ⇒

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 642, ...

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

\* **Ví dụ 5:** Ngày 20/12 chị Huyền nộp tiền điện thoại tháng 11.

Căn cứ vào hoá đơn (biểu số 2.9) và các chứng từ khác có liên quan như phiếu chi (biểu số 2.10), kế toán ghi sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 6422: 2.667.697

Nợ TK 133: 266.770

Có TK 111: 2.934.467

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.13)



- Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.14)

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

\* **Ví dụ 6:** Ngày 21/12, Công ty mua xăng để chở hàng.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT 0005297 (biểu số 2.11) kế toán lập phiếu chi 1184 (biểu số 2.12), sau đó vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.13) rồi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.14).

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập BCTC.

**Biểu số 2.9:**

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)	Mẫu số:
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)	01GTKT2/001
Liên 2: Giao khách hàng	Ký hiệu: AA/11P
	Số: 0054811

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng – VTHP - Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (Customer's name) : Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mã số:

Địa chỉ (Address): Số 381 đường 5 cũ – Hùng Vương - Hồng Bàng – HP

Số điện thoại: (Tell): 0313.538.359.....Mã số (code):.....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
<b>KỶ HOÁ ĐƠN THÁNG 11/2011</b>	
a) Cước dịch vụ viễn thông	2.667.697
b) Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c) Chiết khấu + da dịch vụ	0
d) Khuyến mại	0
e) Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (1)	2.667.697
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT (2)	266.770
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán	2.934.467

Số tiền viết bằng chữ: *Hai triệu chín trăm ba bốn nghìn bốn trăm sáu bảy nghìn đồng./.*

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

**Biểu số 2.10:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**  
381 đường 5 cũ – HV – HB - HP

Mẫu số: 02 – TT

Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ – BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Số: 1182

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

TK ghi Nợ: 6422

TK ghi nợ: 133

TK ghi Có: 111

- Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

- Địa chỉ: Phòng kế toán

- Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2011

- Số tiền: 2.934.467

- Bằng chữ: Hai triệu chín trăm ba bốn nghìn bốn trăm sáu bảy đồng./.

Kèm theo: .....chứng từ gốc .....

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)



**Biểu số 2.12:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**  
381 đường 5 cũ – HV – HB - HP

Mẫu số: 02 – TT  
Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ – BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Số: 1184

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

TK ghi Nợ: 6421

TK ghi nợ: 133

TK ghi Có: 111

- Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Nam
- Địa chỉ: Phòng kinh doanh.
- Lý do chi: Thanh toán tiền mua xăng chở hàng
- Số tiền: 3.744.000
- Bằng chữ: Ba triệu bảy trăm bốn bốn nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: .....chứng từ gốc .....

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.13:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng  
381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Mẫu số SO3a – DN  
Ban hành theo QĐ số 48 QĐ – BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
4/12	PX1108	4/12	Xuất kho LPG L 45 cho công ty Bình Minh	632 156	15.831.072	15.831.072
6/12	PX1115	6/12	Xuất kho bán LPG L12 cho cty Tuấn Minh	632 156	4.363.560	4.363.560
8/12	PT1158	8/12	Doanh thu bán hàng	111 511 3331	32.781.034	29.800.940 2.980.094
9/12	PT1159	9/12	Thu tiền khách hàng trả	111 131	25.700.000	25.700.000
20/12	PC1182	20/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	6422 133 111	2.667.697 266.770	2.934.467
21/12	PC1184	21/12	Anh Nam mua xăng để chở hàng	6421 133 111	3.420.000 324.000	3.744.000
24/12	PT1176	24/12	Thu tiền công ty Tuấn Minh	111 131	13.500.000	13.500.000
			.....			
			Cộng phát sinh		332.501.515.213	332.501.515.213

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.14:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**  
381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Mẫu số S35 – DN  
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-  
BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng  
BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK: 642

Năm 2011

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
9/10	PC 1025	9/10	Mua thiết bị văn phòng: bút, ghim, giấy in, file ...	111	535.000	
28/11	PC1068	28/11	Mua 01 bộ bàn ghế phục vụ văn phòng	111	1.850.000	
	.....		.....			
4/12	PX 1108	4/12	Chi tiền tiếp khách cho bộ phận quản lý	111	2.650.000	
			.....			
20/12	PC1182	20/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	111	2.667.697	
21/12	PC 1184	21/12	Anh Nam mua xăng chờ hàng	111	3.420.000	
30/12	BLT12	30/12	Tiền lương cho nhân viên	334	45.746.000	
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		561.967.909
			<b>Cộng số phát sinh Quý 4</b>		561.967.909	561.967.909

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## 2.2.4 - *Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính*

### 2.2.4.1 *Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính*

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản như lãi tiền gửi ngân hàng .

- Chi phí tài chính của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là khoản tiền trả lãi tiền vay trong quá trình hoạt động.

Nhưng trong năm 2011, Công ty TNHH thương mại không phát sinh nghiệp vụ liên quan tới chi phí tài chính.

### 2.2.4.2: *Chứng từ kế toán sử dụng:*

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng

Các chứng từ khác có liên quan.

### 2.2.4.3: *Tài khoản sử dụng:*

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

TK 112 - Tiền gửi ngân hàng.

TK 111: Tiền mặt

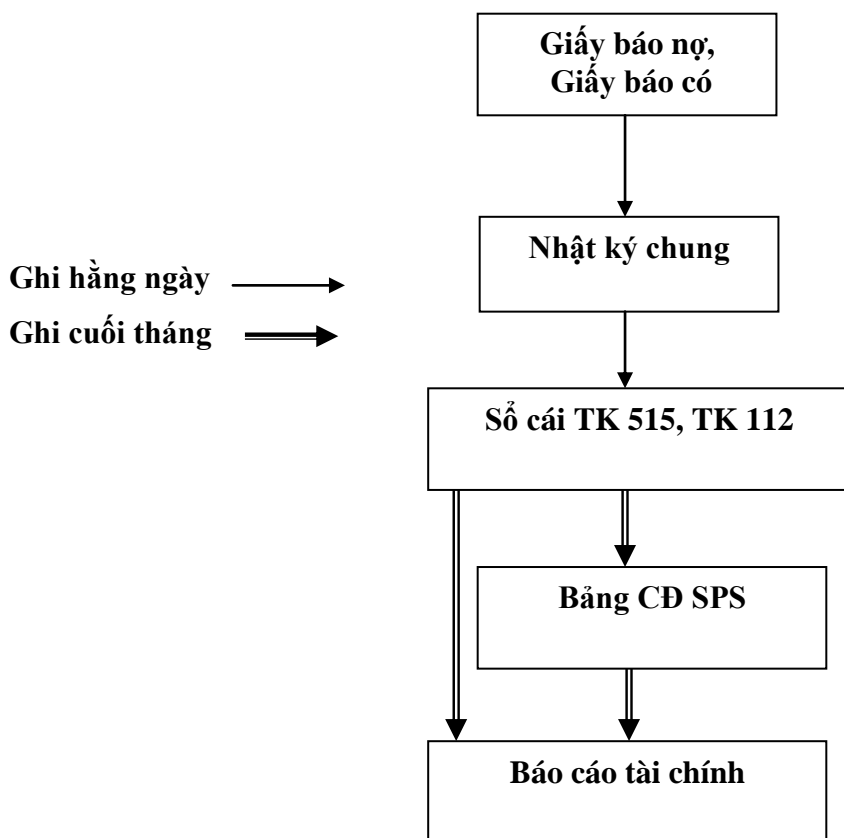
Và các tài khoản khác có liên quan.

### 2.2.4.4: *Quy trình hạch toán*

Quy trình hạch toán được mô tả qua sơ đồ sau:

### Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại

Công ty





\* **Ví dụ 5:** Ngày 25/12/2011, Công ty nhận được thông báo của Ngân hàng Thương mại Á Châu về một khoản tiền lãi tiền gửi ngân hàng là 562.380 đồng. Số tiền trên được chuyển vào số tiền gửi của Công ty tại ngân hàng.

- Căn cứ vào GBC (biểu số 2.15) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 562.380

Có TK 515: 562.380

**Biểu số 2.15:**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU**  
**ASIA COMMERCIAL BANK**

**GIẤY BÁO CÓ**  
Ngày 25/12/2011

**ABC**  
**ASIA COMMERCIAL BANK**

Mã GDV: BATCH  
Mã KH: 25877

*Kính gửi: Công ty TNHH TM Chi Lăng*

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Có: 4452462

Số tiền bằng số: **562.380**

Số tiền bằng chữ: [+] *Năm trăm sáu hai nghìn ba trăm tám mươi đồng*

Nội dung: ## Lãi nhập vốn ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Biểu số 2.16:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Mẫu số S03a – DN

Ban hành theo QĐ số 48 QĐ – BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
25/11	BC 2511 ACB	25/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112 515	485.366	485.366
			.....			
30/11	BC3011	30/11	Thu tiền lãi từ NH NNPTNT	112 515	660.434	660.434
25/12	BC2512 ACB	25/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112 515	562.380	562.380
31/12	BC3112 NNPTNT	31/12	Thu tiền lãi từ NH NNPTNN chi nhánh HP	112 515	660.434	660.434
			..... ..			
31/12	PT178	31/12	Thu tiền công ty CP Đại Việt	111 131	7.500.000	7.500.000
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	2.764.968	2.764.968
			..... ..			
			Cộng phát sinh		332.501.515.213	332.501.515.213

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

Từ đó kế toán vào sổ cái TK 515 (Biểu số 2.17). Cuối tháng kế toán vào bảng CĐ SPS, rồi lập BCTC.

**Biểu số 2.17:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Mẫu số S03b – DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Năm 2011

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Phát sinh quý 4/2011			
			.....			
25/11	BC 2511 ACB	25/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112		485.366
30/11	BC 3011 NNPTNT	30/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng NN&PTNT	112		660.434
			.....			
25/12	BC 2512 ACB	25/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112		562.380
31/12	BC 3112 NNPTNT	31/12	Thu tiền lãi từ NH NNPTNN chi nhánh HP	112		660.434
	.....		.....			
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính IV	911	2.764.968	
			Cộng số phát sinh Q4		2.764.968	2.764.968

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.5 - Hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**

**2.2.5.1. Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, ...
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo có, giấy báo nợ

**2.2.5.2. Tài khoản sử dụng:**

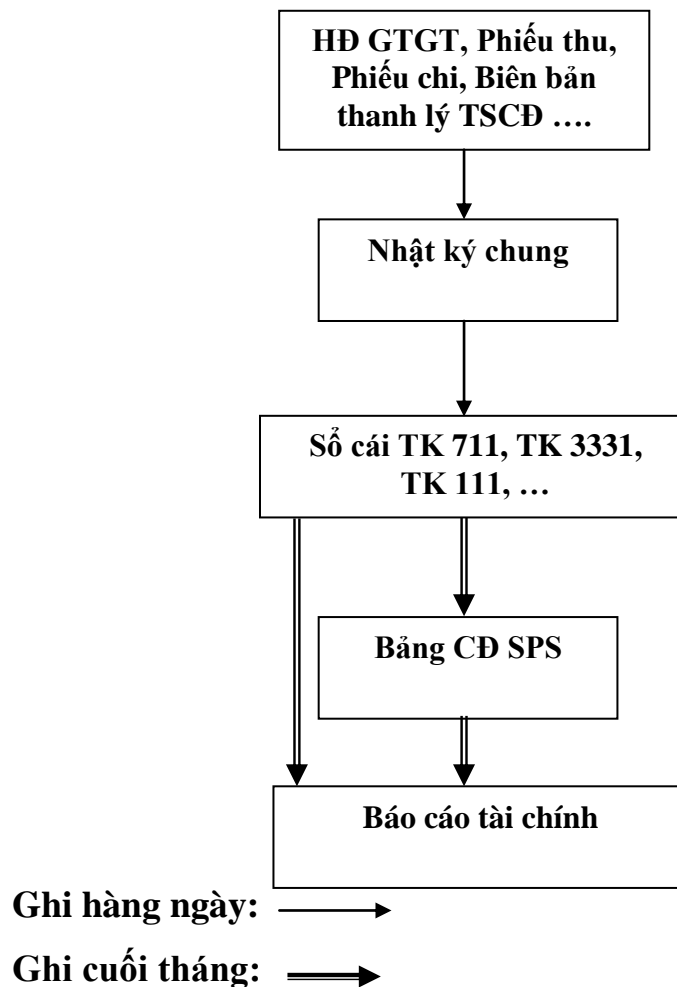
TK 711 – Thu nhập khác.

TK 811 – Chi phí khác.

**2.2.5.3. Quy trình hạch toán.**

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ phát sinh kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ cái TK 711, 811.

**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán thu nhập khác, chi phí khác tại Công ty.**



**Ví dụ 6:** Ngày 18/12/2011, công ty nhượng bán một chiếc ô tô tải chở hàng BKS số 16M – 6869. Căn cứ phiếu kế toán do kế toán lập (biểu số 2.18), Hoá đơn GTGT (biểu số 2.19), giấy báo có (biểu 2.20) kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số: 2.21), sổ cái TK 711 (biểu số: 2.22), sổ cái TK 811 (biểu số: 2.23)

**Biểu số 2.18**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Số 73

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
	Xoá sổ tài sản cố định			
1	Giá trị hao mòn của TSCĐ	214	211	355.633.570
2	Giá trị còn lại của TSCĐ	811	211	208.348.980
	<b>Tổng</b>			563.982.550

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

**Biểu số 2.19:**

<b>HOÁ ĐƠN</b>	Mẫu số: 01GTKT2- 3LL
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	AA/11P
Liên 3: Nội bộ.	0001120

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Chi Lăng

Địa chỉ: Đường 5 cũ - An Trì - Hùng Vương – Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.538.359..... MST: 0200625351.....

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Trần Văn Tuyên.

Địa chỉ: Thị trấn An Dương - An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán:..... MST: 0200220528.

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Ô tô tải chở hàng BKS 16M - 6869	cái	01	130.000.000	130.000.000
Cộng tiền hàng					130.000.000
Thuế suất thuế GTGT 10%. Tiền thuế GTGT					13.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					143.000.000

Số tiền viết bằng chữ: *Một trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn./.*

**Người mua hàng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Người bán hàng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 2.20**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU  
ASIA COMMERCIAL BANK

GIẤY BÁO CÓ  
Ngày 18/12/2011

**ABC**  
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: BATCH  
Mã KH: 25877

*Kính gửi: Công ty TNHH TM Chi Lăng*

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Có: 4452465

Số tiền bằng số: **143.000.000**

Số tiền bằng chữ: [+] *Một trăm bốn mươi ba triệu đồng.*

Nội dung: ## Trần Văn Tuyên thanh toán tiền mua ô tô theo hoá đơn 1120 ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

Căn cứ vào HDGTGT kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21)

**Biểu số: 2.21**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số S03a – DN

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Ban hành theo QĐ số 48 QĐ – BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
4/12	PX 1108	4/12	Xuất kho LPG L 45 cho công ty Bình Minh	632 156	15.831.072	15.831.072
6/12	PX 1115	6/12	Xuất kho bán LPG L12 cho cty Tuấn Minh	632 156	4.363.560	4.363.560
18/12	PKT 73	18/12	Giá trị hao mòn của ô tô BKS 16M - 6869	214 211	335.633.570	335.633.570
18/12	PKT 73	18/12	Giá trị còn lại của ô tô BKS 16M - 6869	811 211	208.348.980	208.348.980
18/12	BC 1812 ACB	18/12	Thu tiền bán ô tô BKS 16M - 6869	112 711 3331	143.000.000	130.000.000 13.000.000
20/12	PC1182	20/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	642 133 111	2.667.697 266.770	2.934.467
24/12	PT1176	24/12	Thu tiền công ty Tuấn Minh	111 131	13.500.000	13.500.000
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		332.501.515.213	332.501.515.213

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 711

**Biểu số 2.22:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Mẫu số S35 – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-  
BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng  
BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu TK: 711

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
30/3	PT 45	30/3	Thu tiền bán thanh lý máy vi tính ở bộ phận văn phòng	111		1.500.000
31/3	PT 47	31/3	Thu tiền bán phế liệu	111		307.000
	.....		.....			
18/12	BC 1812 ACB	18/12	Thu tiền bán ô tô BKS 16M - 6869	112		130.000.000
			.....			
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	242.731.508	
			<b>Cộng số phát sinh quý 4</b>		<b>242.731.508</b>	<b>242.731.508</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.23:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

Mẫu số S35 – DN

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu TK: 811

Năm 2011

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
30/3	PKT 45	30/3	Giá trị còn lại của dàn máy vi tính	211	1.050.000	
	.....		.....			
18/12	PKT 73	18/12	Giá trị còn lại của ôtô BKS 16M - 6869	211	208.348.980	
			.....			
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		222.299.097
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>222.299.097</b>	<b>222.299.097</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## 2.2.6 - Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu kế toán

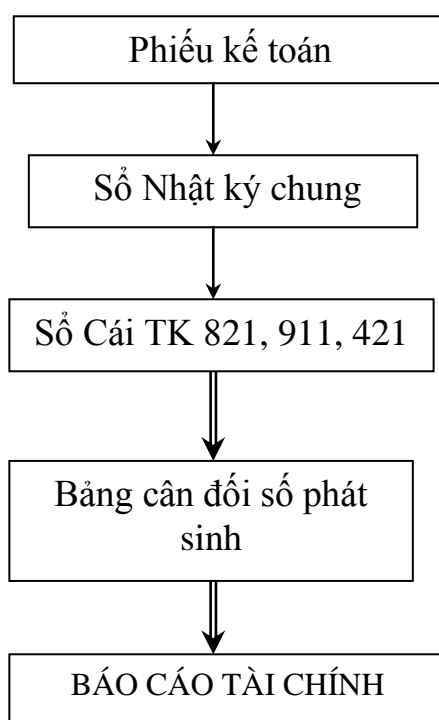
### 2.2.6.2. Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Và các tài khoản khác có liên quan: TK 333, TK 511, TK 632, ...

### 2.2.6.3. Quy trình hạch toán.

Cuối quý, năm kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế TNDN phải nộp. Kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung và các sổ cái các tài khoản có liên quan.

#### Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

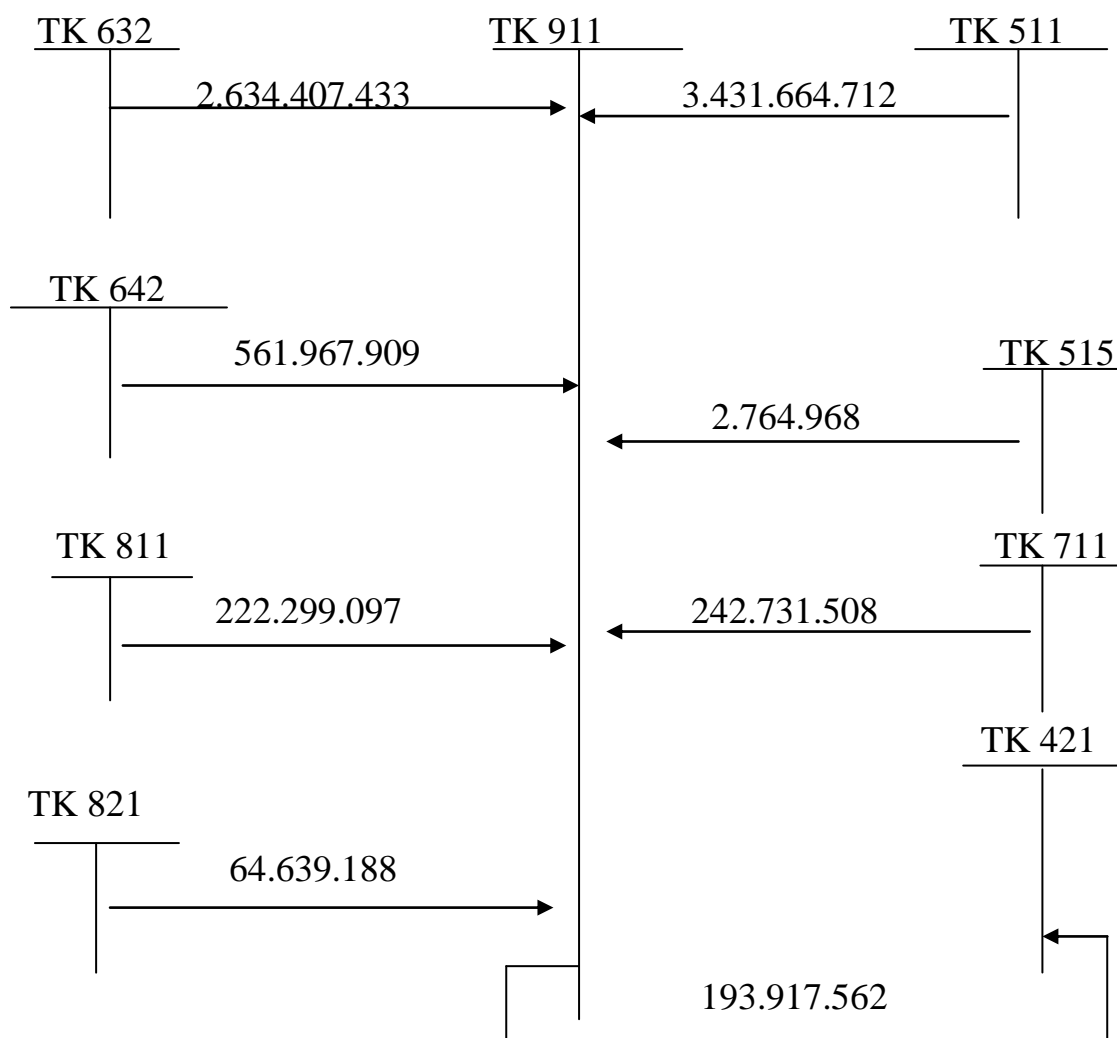


**Ghi chú** → Ghi hàng ngày ,  
 ⇒ Ghi cuối năm

- Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số: 2.30). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 911 (biểu số: 2.31), TK 821, TK 421.

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

**Biểu 2.24:** Kết quả xác định kết quả kinh doanh quý 4/2011 được khái quát qua sơ đồ sau.



**Biểu 2.25:** Phiếu kế toán số 80 - Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 80

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c doanh thu bán hàng	511	911	3.431.664.712
2	K/c doanh thu HĐTC	515	911	2.764.968
3	K/c thu nhập khác	711	911	242.731.508
	<b>Tổng</b>			3.677.161.188

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người lập phiếu**

(*đã ký*)

**Biểu 2.26:** Phiếu kế toán số 81 - Kết chuyển chi phí sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 81

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c giá vốn hàng bán	911	632	2.634.407.433
2	K/c CP quản lý kinh doanh	911	642	561.967.909
3	K/c chi phí khác	911	811	222.229.097
	<b>Tổng</b>			3.418.604.439

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người lập phiếu**

(*đã ký*)

**Biểu 2.27:** Phiếu kế toán số 81 – Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH TM Chi Lăng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 82

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định số thuế TDNN	821	3334	64.639.187
	<b>Tổng</b>			64.639.187

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người lập phiếu**

(đã ký)

**Biểu 2.28:** Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK 911.

Công ty TNHH TM Chi Lăng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 83

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	64.639.187
	<b>Tổng</b>			64.639.187

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người lập phiếu**

(đã ký)

**Biểu 2.29:** Phiếu kế toán số 84 - Kết chuyển lợi nhuận sau thuế sang TK 911.

Công ty TNHH TM Chi Lăng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 84

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	193.917.562
	<b>Tổng</b>			193.917.562

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người lập phiếu**

(đã ký)

**Biểu số 2.30:**

Công ty TNHH TM Chi Lăng

Mẫu số S03a – DN

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Ban hành theo QĐ số 48 QĐ – BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK Đ U'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	3.431.664.712 2.764.968 242.731.508	3.677.161.188
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển chi phí	911 632 811 642	3.418.604.439	2.634.407.433 222.229.097 561.967.909
31/12	PKT 82	31/12	Xác định số thuế TNDN	821 3334	64.639.187	64.639.187
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	64.639.187	64.639.187
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	193.917.562	193.917.562
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		332.501.515.213	332.501.515.213

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 2.31:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Mẫu số S35 – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh.

Số hiệu TK: 911

Năm 2011

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
31/12	PKT 80	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511		3.431.664.712
31/12	PKT 80	31/12	K/c doanh thu HĐTC	515		2.764.968
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		242.731.508
31/12	PKT 81	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	2.634.407.433	
			K/c chi phí quản lý KD	642	561.967.909	
			K/c chi phí khác	811	222.229.097	
31/12	PKT 83	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	64.639.187	
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển LN sau thuế	421	193.917.562	
			Cộng số phát sinh		3.677.161.188	3.677.161.188

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.32:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

Mẫu số S35 – DN

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu TK: 821

Năm 2011

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
31/12	PKT 82	31/12	Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3334	64.639.187	
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		64.639.187
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>64.639.187</b>	<b>64.639.187</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.33:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**

Mẫu số S35 – DN

381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối.

Số hiệu TK: 421

Năm 2011

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu quý 4</b>			435.334.963
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển lãi	911		193.917.562
			Cộng số phát sinh			193.917.562
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>629.252.525</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHI LĂNG

### I. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chi Lăng.

Trong quá trình phát triển, lãnh đạo công ty TNHH thương mại Chi Lăng đã tự tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng của mình. Để có được kết quả như hiện nay, công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất chặt chẽ và khoa học, lựa chọn những cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao. Bộ máy kế toán tổ chức hoàn chỉnh chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất góp phần đặc lực vào công tác quản lý, giám sát tài chính của công ty. Với đội ngũ nhân viên nhiệt tình trong công việc được bố trí phù hợp với khả năng của mỗi người do đó việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý tương đối kịp thời. Hệ thống sổ sách mà công ty sử dụng được thiết lập trên mẫu quy định không phức tạp nhưng phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời.

Trong công tác kế toán việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành một cách kịp thời và triệt để, đúng với yêu cầu nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh doanh. Vì vậy nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu thông tin cho nhà quản lý. Để bắt kịp thời với xu thế kinh tế thị trường đòi hỏi kế toán phải thu thập và xử lý nhanh chóng kịp thời, chính xác.

#### 3.1 Ưu điểm

Mặc dù có bề dày phát triển chưa lâu nhưng công ty TNHH TM Chi Lăng đã và đang khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường. Những hợp đồng bán hàng với giá trị lớn đáp ứng được yêu cầu của khách hàng nhiều vùng miền phần nào khẳng định được sự trưởng thành, lớn mạnh của công ty. Để có được những thành tựu như ngày hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh. Những ưu điểm

của công ty trong công tác tổ chức hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua các khía cạnh sau:

- *Về bộ máy kế toán*: Trong công ty có sự phân chia công việc và phối hợp giữa nhân viên các phòng ban đã góp phần làm giảm khối lượng công việc.

- *Về hình thức kế toán*: Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi.

Dựa trên những đặc điểm riêng của công ty là công ty thương mại, có quy mô nhỏ cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực trình độ chuyên môn của các cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp. Cũng do đặc điểm kinh doanh và tính chất, quy mô hoạt động công ty không áp dụng phần mềm kế toán. Mẫu chứng từ cũng như trình độ luân chuyển chứng từ luôn theo đúng chế độ qui định. Cách thức ghi chép sổ sách và phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu quản lý, việc tổ chức hạch toán khoa học rõ ràng, giảm được công việc ghi sổ kế toán.

- *Về công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế và phần phải nộp vào ngân sách nhà nước, đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông. Trên cơ sở đặc điểm của hàng hoá, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng... Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời đúng đắn và hiệu quả.

- *Nguyên tắc hoàn thiện*

- *Nguyên tắc phù hợp*

- *Nguyên tắc khả thi*

- *Nguyên tắc hiệu quả*

- *Yêu cầu hoàn thiện*

+ Cung cấp số liệu thông tin về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan, kịp thời chính xác, rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu.

+ Đảm bảo tiết kiệm, thiết thực khả thi.

+ Phải có một quy chế kiểm tra, xử lý chặt chẽ. Kế toán trưởng phải có trình độ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực để làm tốt công tác kế toán và lập BCTC một cách khoa học, phù hợp với nhiều đối tượng. Bên cạnh đó, lãnh đạo công ty cũng phải am hiểu về kế toán để tiện kiểm tra, theo dõi

### ***3.1.2. Những tồn tại và hạn chế.***

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những mặt nhất định chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp thông tin hoàn thiện và đầy đủ hơn nữa giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý để đạt hiệu quả kinh tế cao. Cụ thể:

#### ***Tồn tại 1:***

Về hệ thống sổ chi tiết, kế toán nên hạch toán chi tiết cho từng loại hàng hoá bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn của từng mặt hàng, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời hệ thống sổ chi tiết còn giúp doanh nghiệp kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hoá đến khâu tiêu thụ hàng hoá như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hành hoá tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty.

***Tồn tại 2:*** Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng như dự phòng phải thu khó đòi. Công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng đôi khi còn rất chậm, thậm chí có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro.

**Tồn tại 3:** Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán, kế toán mới chỉ làm kế toán Excel. Công việc kế toán vừa tiến hành bằng máy vừa viết tay nên đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu.

### **3.2. Hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chi Lăng.**

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp thương mại cần phải quan tâm nhiều hơn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do đó các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về tình hình tiêu thụ lỗ, lãi thực tế của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập chọn lọc thông tin. Trong đó nguồn thông tin từ phòng kế toán và nguồn thông tin quan trọng và đáng tin cậy cho doanh nghiệp sử dụng.

#### **3.2.1. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán.**

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng có vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc:

- Nguyên tắc thống nhất: Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.
- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm, tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ kế toán viên hiểu biết, nắm vững nghiệp vụ kế toán.
- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

### **3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chi Lăng.**

Quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như vấn đề lý luận đã được học, nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn nhiều vấn đề hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán tại công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Vì vậy, bài khoá luận xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty

#### ***3.2.2.1. Hoàn thiện việc hiện đại hoá công tác kế toán***

Kế toán làm trên máy dùng bảng tính excell mất rất nhiều thời gian song đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu, gây ra nhiều sai sót không đáng có. Chính vì vậy công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn và tự động tính toán và thực hiện bút toán kết chuyển vừa đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

- Để giải quyết được hạn chế trên công ty nên:

+ Tổ chức lớp huấn luyện, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên trong phòng kế toán. Số lượng nhân viên trong phòng kế toán còn thiếu, chưa đủ hoàn thành tốt công việc được giao, công ty có thể bổ sung tuyển thêm nhân viên ưu tiên những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cao.

+ Công ty nên xem xét áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy chuyên dụng, hỗ trợ hiệu quả cho công tác kế toán mà công ty có thể tham khảo lựa chọn như: Misa Accounting, Vacom Accounting, 3S Accounting, ... hoặc công ty có thể đặt mua phần mềm kế toán về sử dụng thì phải mời chuyên gia hướng dẫn, đào tạo nhân viên kế toán sử dụng tốt phần mềm.

- Khi công ty thực hiện được vấn đề trên sẽ đảm bảo cho công tác kế toán được hoàn thiện, chính xác hơn, việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kịp thời, nhanh gọn, báo cáo kế toán lập ra đảm bảo chính xác, mức độ tin cậy cao.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều Phần mềm kế toán dành cho các công ty vừa và nhỏ với các tính năng ưu việt và hiệu quả giúp cho các kế toán tiết kiệm được nhiều thời gian và các con số được tính toán một cách chính xác và tự động. Nhưng để lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp là một công việc thực sự khó khăn với hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam vì có quá nhiều sản phẩm phần mềm kế toán và mỗi nhà cung cấp lại có những lựa chọn khác nhau cho người sử dụng sản phẩm của họ. Đánh giá các tính năng của sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp là một trong những bước đi quan trọng nhất nhằm lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp với giá cả hợp lý. Công ty cần tham khảo một số phần mềm để đưa ra lựa chọn đúng đắn.

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012

Giao diện: Thân thiện, dễ sử dụng





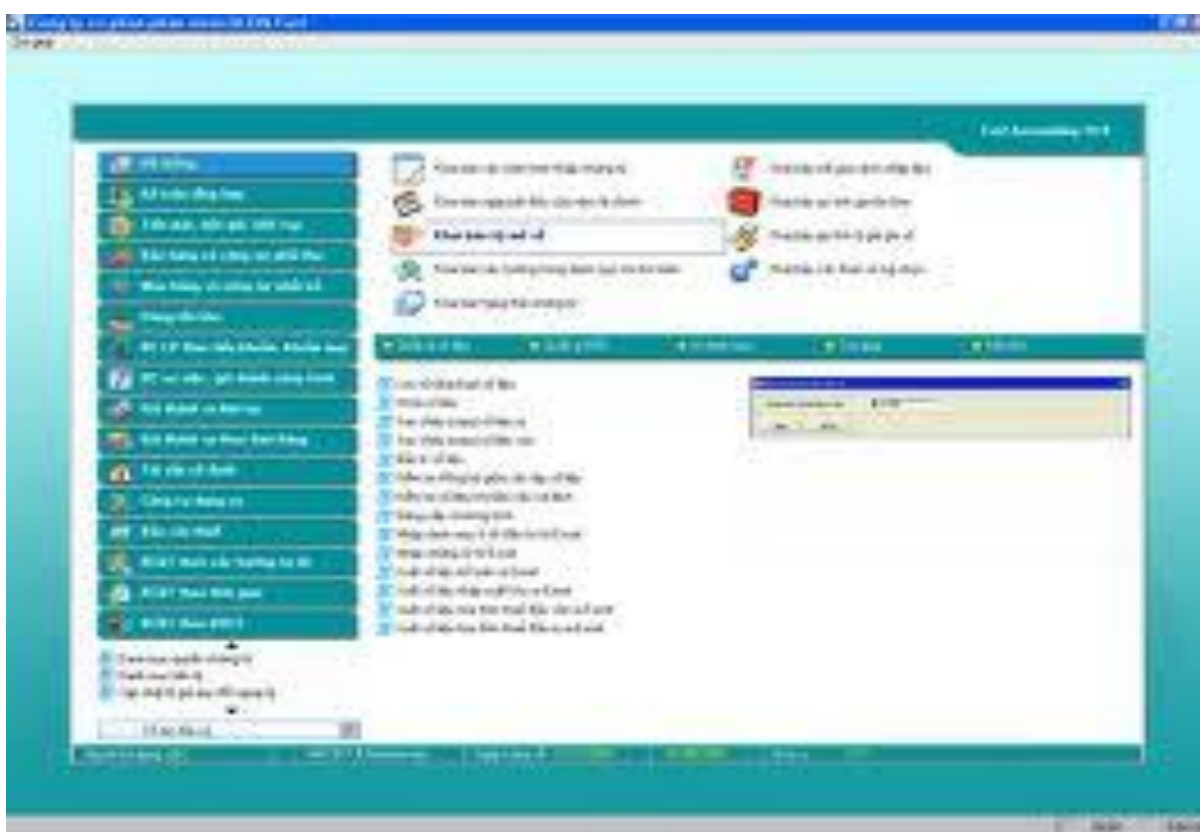
Chức năng:

Phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Báo giá: 9.950.000 VNĐ

- Phần mềm kế toán FAST

Giao diện phần mềm kế toán Fast:



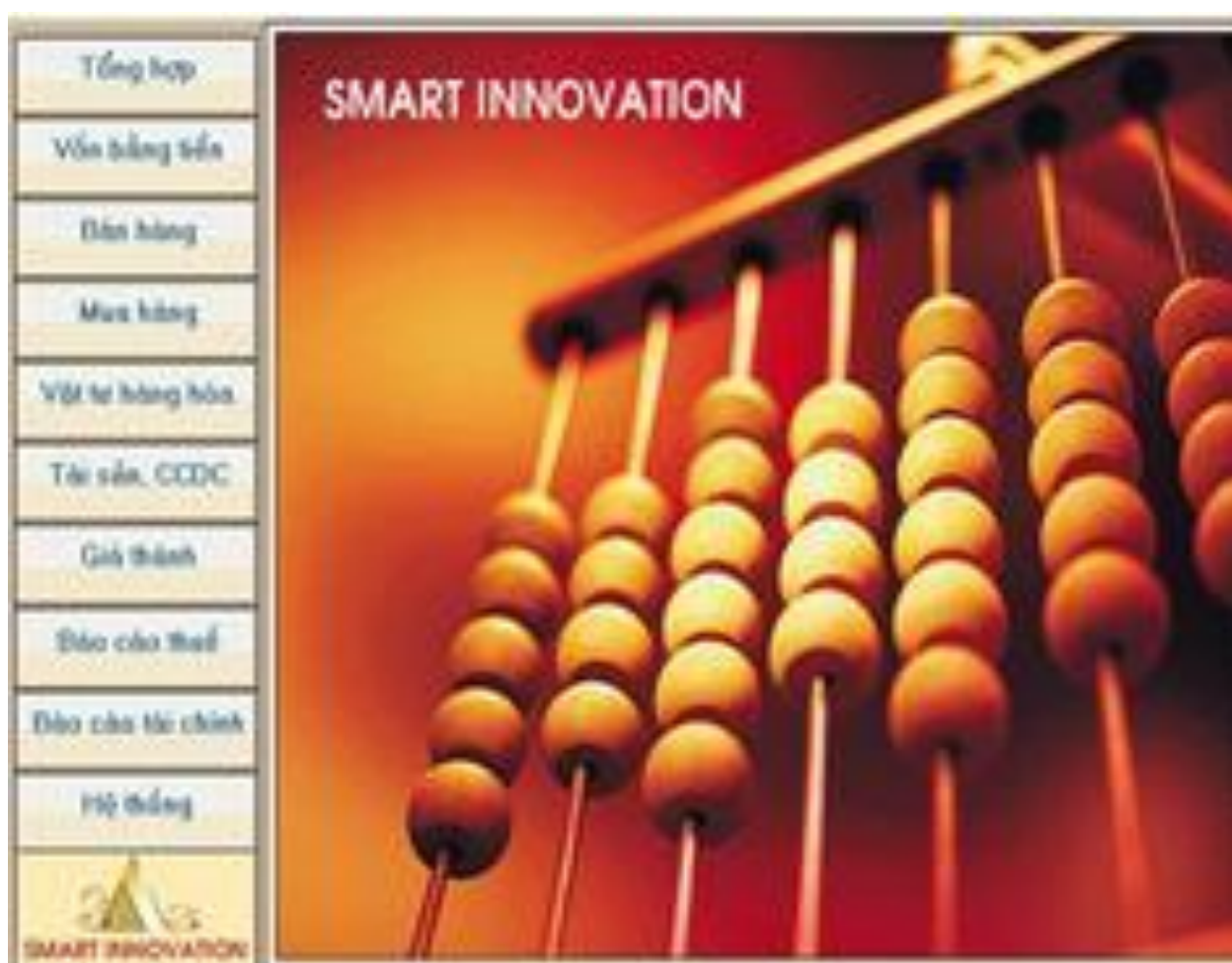
Chức năng:

Fast accounting ( Phiên bản 10.10) mang những tính năng nổi bật như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số

liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm...), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu ( có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt...). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

- Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1 Pro

Giao diện:



Chức năng:

SAS INNOVA 6.8.1 Pro có rất nhiều tính năng nổi bật như: Cập nhật chứng từ kế toán không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), Giảm 80% thời gian nhập các chứng từ tương tự với chức năng “copy” chứng từ, Tạo và in phiếu thu, In phiếu xuất ngay trên Hóa đơn bán hàng, Tạo và in

phiếu chi ngay trên Hóa đơn mua hàng, Chuyển các chứng từ nhập chi bằng 1 click chuột, Giao diện Anh-Việt, Báo cáo thuế theo Thông tư 60, Báo cáo Tài chính theo Quyết định 15 hoặc Quyết định 48, Tích hợp Mã vạch 2 chiều vào Tờ khai thuế (không cần nhập vào phần mềm HTKK)...

Ngoài ra, phần mềm kế toán SAS INNOVA6.8.1 Pro được thiết kế dựa trên các quyết định mới nhất của Bộ Tài Chính như Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, Quyết định 48/2006/QĐ-BTC, Thông tư 60/2007/TT-BTC hướng dẫn kê khai thuế, Thông tư 127/2004/TT-BTC ban hành ngày 27/12/2004 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 84/2004/TT-BTC và Thông tư 120/2003/TT-BTC... Với sản phẩm này, người sử dụng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, thông tin quản trị, thông tin về phân tích tài chính, sản xuất, kinh doanh.

Báo giá: 10.000.000 VNĐ

Theo em công ty nên tham khảo một số phần mềm kế toán và đặc biệt là phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 vì phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 được thiết kế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm: ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập nhật qua mạng internet... MISA SME.NET 2012 không chỉ giúp kế toán doanh nghiệp dễ dàng sử dụng mà còn giúp chủ doanh nghiệp có thể nắm bắt rõ tình hình tài chính của công ty để đề ra quyết định đúng đắn, kịp thời. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cho phép doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua internet hoặc dùng mạng riêng với độ an toàn và bảo mật cao. Giá cả của phần mềm này khá hợp lý đối với quy mô của công ty.

### **3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết tại Công ty.**

Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hoá như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác, ... Như vậy công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng (Biểu mẫu 3.1)

**Biểu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng**

Công ty TNHH TM Chi Lăng  
381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP

Mẫu số S35 – DN  
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư:

Năm: .....

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐU'	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521, 531, 532)
		Nợ	Có						
		.....							
		.....					.....		
		<b>Cộng số phát sinh</b>							

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ví dụ mở sổ chi tiết cho mặt hàng khí hoá lỏng LPG L12

**Biểu số 3.2:**

**Công ty TNHH TM Chi Lăng**  
**381 đường 5 cũ – Hùng Vương – HB - HP**

Mẫu số S35 – DN  
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày  
 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm: Khí hoá lỏng LPG L12  
 Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521, 531, 532)
						Nợ	Có		
.....		.....							
HD01108	6/12	Bán cho cty Tuấn Minh	131	360	27.121		9.763.560		
HD01115	9/12	Bán cho cty Vượng Phát	131	456	27.121		12.367.176		
		.....					.....		
		Cộng							

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

- Khi hạch toán giá vốn hàng bán , kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hoá bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng . Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại hàng hoá bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hoá đến khâu tiêu thụ hàng hoá như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hành hoá tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy, công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán (Biểu 3.3)

- Kế toán theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bằng TK 642- chi phí quản lý kinh doanh. Tài khoản này bao gồm rất nhiều yếu tố chi phí như: chi phí tiền lương, trích BHXH, tiền thưởng, phụ cấp...của nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong quản lý như máy tính, máy photocopy... chi phí mua đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định dùng cho văn phòng, các khoản phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài như trả tiền điện, nước, điện thoại của trụ sở chính và các chi phí bằng tiền khác. Do đó, công ty nên mở thêm sổ chi tiết tài khoản 642- chi phí quản lý kinh doanh để chi tiết theo yếu tố chi phí (Biểu 3.3)

**Ví dụ:** Trong tháng 12 căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng. (Biểu số 3.4)

**Ví dụ:** Trong tháng 12/2011 căn cứ vào chứng từ , kế toán vào sổ chi tiết chi phí QLDN theo các nội dung chi phí (Biểu mẫu 3.5).

**Biểu số 3.3:**

Mẫu số S36 – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ – BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632.

Năm: .....

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Ghi nợ tài khoản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Chia ra		
					.....	.....	.....
A	B	C	D	E	1	2	3
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
			.....				
			- Cộng số phát sinh				
			- Số dư cuối kỳ				



**Biểu số 3.4:** Mở sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh cho mặt hàng LPG L12

Mẫu số S36 – DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ – BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Năm: 2011

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Ghi nợ tài khoản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
6/12	PX1115	6/12	Xuất hàng theo HD1108	156	7.938.000	360	22.050
10/12	PX 1160	10/12	Xuất hàng theo HD 1115	156	10.054.800	456	22.050
			.....				
			- Cộng số phát sinh tháng 12				

**Biểu số 3.5:**

Mẫu số S36-DN

( Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

NT ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đôi ứng	GHI NỢ TÀI KHOẢN 6422					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						CP nhân viên QLý	CP vật liệu QLý	CP khấu hao TSCĐ	CP dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			-Số phát sinh trong tháng							
			.....							
20/12	PC 1182	20/12	Thanh toán tiền đi ện thoại tháng 11	111	2.667.697				2.667.697	
			- Cộng số phát sinh tháng 12							

Mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng để theo dõi Doanh thu, Giá vốn, Lợi nhuận gộp của từng mặt hàng từ đó thấy được mặt hàng nào tiêu thụ mạnh, mặt hàng nào tiêu thụ chậm, giúp nhà quản trị có được những quyết định kinh doanh đúng đắn.

### ***3.2.2.3 Hoàn thiện về trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty***

Hiện nay, công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác như: Công ty TNHH MTV Ngọc Quyên; Công ty Huy Phong với các khoản phải thu quá hạn trên 6 tháng. Do đó, công ty nên tiến hành trích lập dự phòng với các khoản phải thu khó đòi.

Theo quy định, đối tượng và điều kiện được phép thực hiện trích lập dự phòng là các khoản nợ phải thu đảm bảo là các khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Để xác định một khoản nợ là khoản nợ phải thu khó đòi phải căn cứ vào các điều kiện sau:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

Theo Thông tư số: 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng bộ tài chính, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng. Khi thực hiện trích lập dự phòng cần chú ý:

- Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC các khoản nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào tài khoản 159 “ Các khoản dự phòng”

*Kết cấu và nội dung của tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”.*

**Bên Nợ:** - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

**Bên Có:** - Trích lập các khoản dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

**Số dư bên Có:** - Số dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 159 có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1591 - “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”

- Tài khoản 1592 - “Dự phòng phải thu khó đòi”

- Tài khoản 1593 - “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

Theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC kế toán sử dụng tài khoản 1592 “ Dự phòng phải thu khó đòi” để hạch toán các khoản nợ phải thu khó đòi

*Phương pháp hạch toán kế toán tài khoản 1592 “ Dự phòng phải thu khó đòi”*

Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được ( nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập:

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138 – Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 “ Nợ khó đòi đã xử lý” ( Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên có TK 004 “ Nợ khó đòi đã xử lý” ( Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

Hiện nay, công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác :

**BẢNG KÊ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI CỦA CÔNG TY**  
(Tính đến 31/12/2011)

STT	Tên Công ty	Số tiền	Thời gian quá hạn thanh toán	Số cần lập dự phòng
1	Công ty TNHH một thành viên Ngọc Quyên	18.968.355	9 tháng 15 ngày	5.690.507
2	Công ty Huy Phong	22.283.389	10 tháng 3 ngày	6.685.017
	<b>Cộng</b>	<b>41.251.744</b>		<b>12.375.524</b>

\* Kế toán định khoản nợ phải thu khó đòi:

Nợ TK 6422:        12.375.524

Có TK 1592 :12.375.524

Đồng thời, kế toán tiến hành định khoản vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản 642, sổ cái tài khoản 159

### 3.2.2.4. Một số giải pháp khác.

#### \* Chiết khấu thương mại.

*Chiết khấu thương mại:* là khoản tiền mà doanh nghiệp bán đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do họ đã mua hàng (sản phẩm hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại ( đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

*Tỷ lệ chiết khấu:* Hiện nay, không có một văn bản chính thức nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường để đưa ra một tỷ lệ chiết khấu phù hợp nhất. Đồng thời công ty có thể tính toán tỷ lệ chiết khấu đầu vào được hưởng khi mua nhiều để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

#### *Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:*

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm vào giá bán trên “Hóa đơn (GTGT)” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng ghi Chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.

Lần mua cuối cùng được xác định dựa trên hợp đồng kinh tế giữa các bên. Do đó, trường hợp công ty và các đại lý ký kết hợp đồng kinh tế, trong đó xác định ngày 31/12 hàng năm là ngày xác định công nợ và thực hiện chiết khấu thì ngày 31/12 được coi là ngày mua cuối cùng để thực hiện việc điều chỉnh giảm giá.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khi thanh toán tiền cho khách hàng doanh nghiệp phải xuất hóa đơn chiết khấu

thương mại, lập phiếu chi tiền theo đúng quy định cho khách hàng. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

***\* Nâng cao chất lượng sản phẩm:***

Công ty TNHH TM Chi Lăng hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, vì vậy việc nâng cao chất lượng sản phẩm và xúc tiến công tác quảng cáo là một vấn đề hết sức quan trọng. Công ty cần tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, thị trường đầu ra. Một chính sách tốt sẽ làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của công ty từ đó tăng sự lựa chọn của khách hàng và tạo uy tín với khách hàng. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng các biện pháp như: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán, cố gắng giải quyết các mâu thuẫn phát sinh bằng các biện pháp hợp lý.



## KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của cuốn khoá luận tốt nghiệp với đề tài: "*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chi Lăng*".

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ... phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó Công ty TNHH TM Chi Lăng đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của Công ty em xin phép mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên bài khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo Công ty, các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán của Công ty để em hoàn thiện khoá luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô đặc biệt là cô giáo- Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh cùng các anh chị phòng kế toán trong Công ty TNHH TM Chi Lăng đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khoá luận.

*Hải Phòng ngày...tháng...năm 2012*

Sinh viên

Nguyễn Thị Mai

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Kế toán tài chính (NXB Thống kê)
2. Giáo trình Kế toán tài chính - Trường Đại học Tài chính - Kế toán HN.
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4. Chế độ Kế toán doanh nghiệp (quyển 1 và quyển 2)
5. Trang: web ketoan. Việt Nam
6. Lý thuyết thực hành kế toán (NXB Tài Chính Hà Nội).